

Kính gửi: Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025 và tiến độ triển khai các chương trình đào tạo của Hệ ĐHCQ, Ban Đào tạo trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu chính thức Học kỳ cuối năm 2025** của các khóa sau:

- + Khóa 47 - Hệ ĐHCQ (CT Song ngành tích hợp [SN TH]),
- + Khóa 48 - Hệ ĐHCQ (CT Chuẩn; CT Chất lượng cao; CT SN TH),
- + Khóa 49 - Hệ ĐHCQ (CT Chuẩn; CT TA BP; CT TA TP; CT SN TH),
- + Khóa 50 - Hệ ĐHCQ (CT Tiếng Việt; CT TA BP; CT TA TP; CT SN TH),

Ban Đào tạo kính đề nghị Quý Thầy/Cô quản lý môn học và Trưởng đơn vị tiếp tục triển khai và hoàn tất đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.

Thời khóa biểu chính thức có sự thay đổi so với thời khóa biểu dự kiến về việc hủy, bổ sung, điều chỉnh một số lớp học phần; Ban Đào tạo kính đề nghị các đơn vị đào tạo thông báo cho Quý Thầy/Cô và sinh viên biết, đồng thời thường xuyên truy cập dashboard cá nhân/portal UEH để cập nhật thông tin lịch giảng, lịch học đầy đủ và chính xác nhất.

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Ban Đào tạo.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- B. TCKHĐT; B. QTHT;
- B. CSNH, B. BDCL&KSNB;
- TTKT;
- Website B. ĐT;
- Lưu: VT, B.ĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**



ThS. Võ Thị Tâm

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GĐ A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ B2...	Cơ sở B – Khu B2		
GĐ C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ V...	Cơ sở Võ Thị Sáu (Viện Đối mới sáng tạo)	232/6 Võ Thị Sáu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ N1...	Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Hiệu bộ	Đường Nguyễn Văn Linh, Khu chức năng số 15, Đô thị mới Nam Thành phố, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ N2...	Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Giảng đường		

KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY
 (Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

KHÓA HỌC	THỜI GIAN			GHI CHÚ
	Giảng viên đăng ký	Quản lý môn học duyệt	Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt	
+ Khóa 47, 48,49,50 ĐHCQ	09/06/25 – 08/07/25	09/07/25 – 22/07/25	23/07/25 – 28/07/25	Dự kiến thời gian phát hành TKB chính thức: 20/07/25

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC CÁC KHÓA HỆ ĐHCQ
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025
(Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành)

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 3) (**CHÍNH THỨC**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GĐ A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ B2...	Cơ sở B – Khu B2		
GĐ C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ N1...	Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Hiệu bộ	Đường Nguyễn Văn Linh, Khu chức năng số 15, Đô thị mới Nam Thành phố, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh	
GĐ N2...	Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Giảng đường		

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
1	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	IT0001		
2	HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP	ER0001		
3	HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH	BI0001		
4	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	SE0001		
5	KHOA HỌC MÁY TÍNH	CS0001		
6	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	EE0001, EE0002	EEP001	
7	CÔNG NGHỆ LOGISTICS	LT0001	LTP001	
8	ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	RA0001	RAP001	
9	ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA	IC0001	ICP001	
10	AN TOÀN THÔNG TIN	CY0001		
11	KHOA HỌC DỮ LIỆU	DS0001		
12	TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN	DD0001	DDP001	DDF001
13	CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT (Art Tech)	AT0001	ATP001	
14	KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH	SC0001	SCP001	
15	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	FE0001	FEP001	
16	CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	TI0001	TIP001	

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ

TRƯỜNG KINH DOANH

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
17	KẾ TOÁN CÔNG	KO0001		
18	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KN0001, KN0002, KN0003, KN0004, KN0005, KN0006, KN0007, KN0008	KNP001, KNP002, KNP003	KNF001
	SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ THUẾ	KN0009		
19	KIỂM TOÁN	AU0001, AU0002	AUP001, AUP002	AUF001
20	CÔNG NGHỆ MARKETING	MT0001	MTP001	
21	KINH DOANH QUỐC TẾ	IB0001, IB0002, IB0003, IB0004, IB0005	IBP001, IBP002	IBF001, IBF002, IBF003, IBF004, IBF005
22	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KM0001, KM0002, KM0003	KMP001	KMF001
23	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	LM0001	LMP001	LMF001
24	QUẢN TRỊ KINH DOANH (Sẽ điều chỉnh sau khi có kết quả đăng ký hướng CTĐT ngành QTKD)	BA0001, BA0002, BA0003, BA0004, BA0005, BA0006, BA0007, BA0008, BA0009 Danh sách phân lớp chuyên ngành thuộc ngành QTKD [Quản trị: AD0001, AD0002, AD0003, AD0004, AD0005, AD0006; Quản trị chất lượng: CL0001, CL0002; Quản trị khởi nghiệp: EM0001]	BAP001, BAP002, BAP003, BAP004 Danh sách phân lớp chuyên ngành thuộc ngành QTKD [Quản trị: ADP001, ADP002, ADP003; Quản trị khởi nghiệp: EMP001]	
25	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	TS0001, TS0002	TSP001	
26	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KS0001	KSP001	
27	QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ	SK0001	SKP001	

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ**TRƯỜNG KINH DOANH**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
28	KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ		CCAP01,CAEP01	
29	MARKETING	MR0001, MR0002	MRP001	MRF001
30	BẢO HIỂM	IN0001		
31	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	FI0001	FIP001	
32	TÀI CHÍNH	FN0001, FN0002, FN0003, FN0004, FN0005	FNP001, FNP002, FNP003	FNF001, FNF002, FNF003
33	TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	IF0001	IFP001	IFF001
34	TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (Đề án nhân lực trình độ quốc tế_TP.HCM)			FBDPF1

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; VIỆN KHOA HỌC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
35	BẤT ĐỘNG SẢN	RE0001, RE0002		
36	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	AR0001	ARP001	
37	KINH TẾ	ECO001	ECOP01	
38	KINH TẾ ĐẦU TƯ	IV0001, IV0002	IVP001, IVP002	
39	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	HR0001, HR0002	HRP001	
40	THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN	VA0001, VA0002	VAP001	
41	TÀI CHÍNH CÔNG	PF0001		
42	THUẾ	TA0001, TA0002	TAP001	
43	QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG	HQ0001	HQP001	
44	KINH TẾ CHÍNH TRỊ	CT0001		
45	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	AV0001, AV0002, AV0003		
46	PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM	AS0001	ASP001	
47	TOÁN TÀI CHÍNH	FM0001		
48	THỐNG KÊ KINH DOANH	TK0001	TKP001	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402606	52	KN0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-312	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	03/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706501	52	KN0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-310	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719503	52	KN0001	2	5	07g45 - 12g05	N2-310	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-511	26/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502124	52	KN0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508407	52	KN0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-312	06/10/25 - 01/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719801	52	KN0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-302	08/10/25 - 03/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402607	52	KN0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-310	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	27/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706502	52	KN0002	3	5	07g45 - 12g05	N2-310	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719504	52	KN0002	3	5	07g45 - 12g05	N2-310	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	20/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502125	52	KN0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508408	52	KN0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-310	07/10/25 - 02/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719802	52	KN0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-302	09/10/25 - 04/12/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-405	06/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402608	52	KN0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-310	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706503	52	KN0003	4	5	07g10 - 11g30	N2-308	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719505	52	KN0003	4	5	07g45 - 12g05	N2-308	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502126	52	KN0003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508409	52	KN0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-310	08/10/25 - 03/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719803	52	KN0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-309	10/10/25 - 05/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402609	52	KN0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-310	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	23/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706504	52	KN0004	5	5	07g10 - 11g30	N2-311	09/10/25 - 04/12/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-407	02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719506	52	KN0004	5	5	07g45 - 12g05	N2-311	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-510	16/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502127	52	KN0004	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508410	52	KN0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-310	02/10/25 - 04/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719804	52	KN0004	7	5	12g45 - 17g05	N2-310	11/10/25 - 06/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402610	52	KN0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-310	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706505	52	KN0005	6	5	07g10 - 11g30	N2-312	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719507	52	KN0005	6	5	07g45 - 12g05	N2-312	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502128	52	KN0005	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508411	52	KN0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-310	10/10/25 - 05/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719805	52	KN0005	2	5	12g45 - 17g05	N2-307	06/10/25 - 01/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402611	52	KN0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-311	09/08/25 - 04/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706506	52	KN0006	7	5	07g45 - 12g05	N2-402	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719508	52	KN0006	7	5	07g45 - 12g05	N2-402	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502129	52	KN0006	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508412	52	KN0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-311	11/10/25 - 06/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719806	52	KN0006	3	5	12g45 - 17g05	N2-309	07/10/25 - 02/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402612	52	KN0007	2	5	07g10 - 11g30	N2-311	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-511	26/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706507	52	KN0007	2	5	12g45 - 17g05	N2-401	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719509	52	KN0007	2	5	12g45 - 17g05	N2-401	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-511	03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502130	52	KN0007	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508413	52	KN0007	2	5	07g10 - 11g30	N2-311	06/10/25 - 01/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719807	52	KN0007	4	5	07g45 - 12g05	N2-511	08/10/25 - 03/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402613	52	KN0008	3	5	07g10 - 11g30	N2-311	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-510	04/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706508	52	KN0008	3	5	12g45 - 17g05	N2-311	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719510	52	KN0008	3	5	12g45 - 17g05	N2-311	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-510	27/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502131	52	KN0008	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508414	52	KN0008	3	5	07g10 - 11g30	N2-311	07/10/25 - 02/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719808	52	KN0008	5	5	07g45 - 12g05	N2-511	09/10/25 - 04/12/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-405	06/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402614	55	KNP001	4	5	07g10 - 11g30	N2-309	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706509	55	KNP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-311	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719511	55	KNP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-311	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502132	55	KNP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508415	55	KNP001	4	5	07g10 - 11g30	N2-309	08/10/25 - 03/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25C1ACC50720501	55	KNP001	6	5	07g10 - 11g30	B1-503	10/10/25 - 05/12/25	Đôi ph.học
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402615	55	KNP002	5	5	07g10 - 11g30	N2-312	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-509	23/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706510	55	KNP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-311	09/10/25 - 04/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-407	02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719512	55	KNP002	5	5	12g45 - 17g05	N2-311	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g45 - 12g05	N2-509	16/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502133	55	KNP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508416	55	KNP002	5	5	07g10 - 11g30	N2-312	02/10/25 - 04/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25C1ACC50720502	55	KNP002	7	5	07g10 - 11g30	B2-501	11/10/25 - 06/12/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402616	55	KNP003	6	5	07g10 - 11g30	N2-401	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706511	55	KNP003	6	5	12g45 - 17g05	N2-311	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719513	55	KNP003	6	5	12g45 - 17g05	N2-311	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502134	55	KNP003	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508417	55	KNP003	6	5	07g10 - 11g30	N2-401	10/10/25 - 05/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25C1ACC50720503	55	KNP003	2	5	07g10 - 11g30	B1-802	06/10/25 - 01/12/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam	EN	3	25C1TAX50405202	45	KNF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-706	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-205	30/08/25	
Kế toán công	EN	3	25C1ACC50715401	45	KNF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-707	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720401	45	KNF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-707	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-205	23/08/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002402	45	KNF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-706	07/08/25 - 11/09/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307303	45	KNF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-508	06/08/25 - 10/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502135	45	KNF001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504302	45	KNF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-706	07/10/25 - 02/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	EN	3	25C1ACC50720504	45	KNF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-507	08/10/25 - 03/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319802	45	KNF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-706	09/08/25 - 04/10/25	

[CT SN TH] SONG NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ THUẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402617	30	KN0009	4	5	12g45 - 17g05	B1-406	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706512	30	KN0009	4	5	07g10 - 11g30	B1-406	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719514	30	KN0009	4	5	07g10 - 11g30	B1-406	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002403	30	KN0009	6	5	07g10 - 11g30	B2-502	08/08/25 - 12/09/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật		3	25C1ACC50719703	30	KN0009	6	5	12g45 - 17g05	B1-406	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502136	30	KN0009	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508418	30	KN0009	4	5	12g45 - 17g05	B1-406	08/10/25 - 03/12/25	
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định		3	25C1ACC50719809	30	KN0009	6	5	12g45 - 17g05	B1-406	10/10/25 - 05/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319803	30	KN0009	2	5	07g10 - 11g30	B1-506	04/08/25 - 06/10/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402618	60	KO0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-106	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706513	60	KO0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-106	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719515	60	KO0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-106	09/08/25 - 04/10/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật		3	25C1ACC50719704	60	KO0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-106	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502137	60	KO0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	

[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ICAEW_Kế toán quản trị 1 (ICAEW CFAB-Management Information)	EN	3	25C1ACC50722601	15	CAEP01	5	5	07g10 - 11g30	B1-506	18/09/25 - 16/10/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-406	20/09/25 - 11/10/25	
ICAEW_Kế toán quản trị 2 (ICAEW CFAB-Management Information)	EN	3	25C1ACC50722701	15	CAEP01	5	5	07g10 - 11g30	B1-506	23/10/25 - 13/11/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-406	25/10/25 - 22/11/25	
ICAEW_Kế toán tài chính và lập báo cáo 1 (ICAEW ACA -Financial Accounting & Reporting)	EN	3	25C1ACC50722901	15	CAEP01	5	5	12g45 - 17g05	B1-406	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-406	19/08/25	
ICAEW_Nguyên tắc thuế (ICAEW CFAB-Principle of Taxation)	EN	4	25C1ACC50722401	68	CAEP01	5	5	07g10 - 11g30	B1-506	07/08/25 - 11/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-406	09/08/25 - 13/09/25	
Kế toán công		3	25C1ACC50706514	68	CAEP01,C CAP01	7	5	12g45 - 17g05	B1-404	09/08/25 - 04/10/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học thuật		3	25C1ACC50719705	68	CAEP01,C CAP01	7	5	12g45 - 17g05	B1-404	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021111	68	CAEP01,C CAP01	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
ACCA_Báo cáo tài chính 1 (ACCA-F7)	EN	3	25C1ACC50723901	60	CCAP01	4	5	12g45 - 17g05	B1-502	06/08/25 - 01/10/25	
ACCA_Quản trị hiệu quả hoạt động 1(ACCA-F5)	EN	3	25C1ACC50723701	60	CCAP01	7	5	07g10 - 11g30	B1-403	09/08/25 - 04/10/25	
ACCA_Quản trị hiệu quả hoạt động 2(ACCA-F5)	EN	3	25C1ACC50724201	60	CCAP01	7	5	07g10 - 11g30	B1-403	11/10/25 - 06/12/25	

[CT TV] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402602	48	AU0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-311	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502119	48	AU0001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508403	48	AU0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-309	08/08/25 - 03/10/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402603	48	AU0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-401	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502120	48	AU0002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508404	48	AU0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-310	09/08/25 - 04/10/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402604	35	AUP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-507	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502121	35	AUP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508405	35	AUP001	4	5	12g45 - 17g05	B1-507	06/08/25 - 01/10/25	
Hệ thống thuế Việt Nam		3	25C1TAX50402605	35	AUP002	5	5	07g10 - 11g30	B1-507	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-109	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502122	35	AUP002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508406	35	AUP002	5	5	12g45 - 17g05	B1-508	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-109	19/08/25	

[CT TA TP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thuế Việt Nam	EN	3	25C1TAX50405201	52	AUF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-801	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-108	12/09/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909201	50	AUF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-102	29/10/25 - 03/12/25	Đổi ph.học
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002401	52	AUF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-803	06/08/25 - 10/09/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307302	52	AUF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-803	29/10/25 - 03/12/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122201	52	AUF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-803	06/08/25 - 10/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502123	52	AUF001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504301	52	AUF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-802	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-108	05/09/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319801	52	AUF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-801	08/08/25 - 03/10/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc và cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50909801	35	MT0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-102	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-508	27/08/25	
Hành vi người tiêu dùng trong kỷ nguyên số		3	25C1MAR50325201	35	MT0001	2	5	07g10 - 11g30	B1-406	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-212	13/08/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C1MAR50301702	35	MT0001	2	5	07g10 - 11g30	B1-804	06/10/25 - 01/12/25	Đôi ph.học
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318009	35	MT0001	6	5	07g10 - 11g30	N1-606	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502158	35	MT0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Cấu trúc và cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50909802	40	MTP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-512	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-102	18/09/25	
Hành vi người tiêu dùng trong kỷ nguyên số	EN	3	25C1BUS50326801	40	MTP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-406	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-211	04/09/25	
Nghiên cứu marketing	EN	3	25C1BUS50321501	40	MTP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-406	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318010	40	MTP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-705	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502159	40	MTP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	

[CT TV] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Giao tiếp kinh doanh		3	25C1BUS50304405	69	LM0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-601	11/10/25 - 06/12/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305209	69	LM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-601	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N1-707	14/08/25	
Nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh		3	25C1BUS50330101	69	LM0001	7	5	07g10 - 11g30	N1-701	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25C1BUS50317904	69	LM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-601	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329812	69	LM0001	7	5	12g45 - 17g05	N1-601	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502155	69	LM0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Giao tiếp kinh doanh		3	25C1BUS50304406	30	LMP001	2	5	07g10 - 11g30	N1-402	06/10/25 - 01/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320911	30	LMP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-502	06/08/25 - 01/10/25	
Nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh		3	25C1BUS50330102	30	LMP001	2	5	12g45 - 17g05	N1-402	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25C1BUS50320803	30	LMP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-502	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329813	30	LMP001	2	5	07g10 - 11g30	N1-402	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	12/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502156	30	LMP001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	

[CT TA TP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002507	40	LMF001	2	5	07g10 - 11g30	B2-303	27/10/25 - 01/12/25	
Giao tiếp kinh doanh	EN	3	25C1BUS50327302	40	LMF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-507	02/10/25 - 04/12/25	Đổi tg.học
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320912	40	LMF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-804	09/08/25 - 04/10/25	
Nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh	EN	3	25C1BUS50330701	40	LMF001	5	5	12g45 - 17g05	ONLINE	09/10/25	Đổi tg.học
						5	5	12g45 - 17g05	ONLINE	16/10/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-501	13/11/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-808	14/11/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-704	15/11/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-407	21/11/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-808	21/11/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-704	22/11/25	
						5	5	12g45 - 17g05	ONLINE	04/12/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	EN	3	25C1BUS50320804	40	LMF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-804	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329907	40	LMF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-804	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-109	16/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502157	40	LMF001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319810	40	LMF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-802	05/08/25 - 07/10/25	

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305201	60	IB0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-506	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318001	60	IB0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-506	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317803	60	IB0001	2	5	07g10 - 11g30	N1-501	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329801	60	IB0001	2	5	07g10 - 11g30	N1-501	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-707	05/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502138	60	IB0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305202	60	IB0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-502	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	16/08/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318002	60	IB0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-502	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317804	60	IB0002	3	5	07g10 - 11g30	N1-501	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329802	60	IB0002	3	5	07g10 - 11g30	N1-501	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-707	04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502139	60	IB0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305203	60	IB0003	6	5	07g10 - 11g30	N1-501	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318003	60	IB0003	6	5	07g10 - 11g30	N1-501	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317805	60	IB0003	4	5	07g10 - 11g30	N1-601	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329803	60	IB0003	4	5	07g10 - 11g30	N1-601	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502140	60	IB0003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305204	60	IB0004	7	5	07g10 - 11g30	N1-506	09/08/25 - 04/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318004	60	IB0004	7	5	07g10 - 11g30	N1-506	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317806	60	IB0004	5	5	07g10 - 11g30	N1-506	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329804	60	IB0004	5	5	07g10 - 11g30	N1-506	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N1-701	23/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502141	60	IB0004	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305205	60	IB0005	2	5	07g10 - 11g30	N1-506	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-707	13/08/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318005	60	IB0005	2	5	07g10 - 11g30	N1-506	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317807	60	IB0005	6	5	07g10 - 11g30	N1-502	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329805	60	IB0005	6	5	07g10 - 11g30	N1-502	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502142	60	IB0005	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320902	60	IBP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-305	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321001	60	IBP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-305	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-109	04/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317808	60	IBP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-601	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329806	60	IBP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-601	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502143	60	IBP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320903	60	IBP002	4	5	12g45 - 17g05	B2-304	08/10/25 - 03/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321002	60	IBP002	4	5	12g45 - 17g05	B2-304	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C1BUS50317809	60	IBP002	2	5	12g45 - 17g05	N1-501	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	05/09/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329807	60	IBP002	2	5	12g45 - 17g05	N1-501	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502144	60	IBP002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	

[CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002501	45	IBF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-203	29/10/25 - 03/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320904	45	IBF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-508	11/10/25 - 06/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321003	45	IBF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-508	09/08/25 - 04/10/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122202	45	IBF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-407	09/08/25 - 13/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310903	45	IBF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-707	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-108	26/08/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329901	45	IBF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-707	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502145	45	IBF001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319804	45	IBF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-808	05/08/25 - 07/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006206	45	IBF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-707	07/08/25 - 11/09/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002502	45	IBF002	5	5	07g10 - 11g30	B2-204	23/10/25 - 04/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320905	45	IBF002	6	5	07g10 - 11g30	B1-707	10/10/25 - 05/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321004	45	IBF002	2	5	07g10 - 11g30	B1-708	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-211	10/09/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122203	45	IBF002	2	5	12g45 - 17g05	B1-707	04/08/25 - 15/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310904	45	IBF002	6	5	07g10 - 11g30	B1-707	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329902	45	IBF002	2	5	07g10 - 11g30	B1-708	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502146	45	IBF002	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319805	45	IBF002	4	5	07g10 - 11g30	B1-706	06/08/25 - 01/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006207	45	IBF002	6	5	12g45 - 17g05	B1-707	08/08/25 - 12/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002503	45	IBF003	6	5	07g10 - 11g30	B2-305	31/10/25 - 05/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320906	45	IBF003	3	5	07g10 - 11g30	B1-708	07/10/25 - 02/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321005	45	IBF003	3	5	07g10 - 11g30	B1-708	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-211	28/08/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122204	45	IBF003	3	5	12g45 - 17g05	B1-707	05/08/25 - 16/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310905	45	IBF003	7	5	07g10 - 11g30	B1-707	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329903	45	IBF003	7	5	07g10 - 11g30	B1-707	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502147	45	IBF003	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319806	45	IBF003	5	5	07g10 - 11g30	B1-708	07/08/25 - 02/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006208	45	IBF003	7	5	12g45 - 17g05	B1-708	09/08/25 - 13/09/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002504	45	IBF004	7	5	07g10 - 11g30	B2-301	01/11/25 - 06/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320907	45	IBF004	4	5	12g45 - 17g05	B1-706	08/10/25 - 03/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321006	45	IBF004	4	5	12g45 - 17g05	B1-706	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122205	45	IBF004	4	5	07g10 - 11g30	B1-707	06/08/25 - 10/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310906	45	IBF004	2	5	12g45 - 17g05	B1-708	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-108	12/09/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329904	45	IBF004	2	5	12g45 - 17g05	B1-708	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502148	45	IBF004	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319807	45	IBF004	6	5	12g45 - 17g05	B1-708	08/08/25 - 03/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006209	45	IBF004	2	5	07g10 - 11g30	B1-507	04/08/25 - 15/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002505	45	IBF005	4	5	12g45 - 17g05	B2-203	29/10/25 - 03/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320908	45	IBF005	5	5	12g45 - 17g05	B1-708	02/10/25 - 04/12/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321007	45	IBF005	5	5	12g45 - 17g05	B1-708	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-207	06/09/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122206	45	IBF005	5	5	07g10 - 11g30	B1-508	07/08/25 - 11/09/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu	EN	3	25C1BUS50310907	45	IBF005	3	5	12g45 - 17g05	B1-508	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-207	30/08/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329905	45	IBF005	3	5	12g45 - 17g05	B1-508	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502149	45	IBF005	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319808	45	IBF005	7	5	12g45 - 17g05	B1-507	09/08/25 - 04/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006210	45	IBF005	3	5	07g10 - 11g30	B1-507	05/08/25 - 16/09/25	

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305206	45	KM0001	5	5	12g45 - 17g05	N1-506	07/08/25 - 25/09/25	Đổi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	13/09/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318006	45	KM0001	5	5	12g45 - 17g05	N1-402	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329808	45	KM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-405	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị tài chính		3	25C1FIN50503901	45	KM0001	3	5	12g45 - 17g05	N1-506	05/08/25 - 30/09/25	Đổi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	N1-707	20/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502150	45	KM0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305207	45	KM0002	6	5	12g45 - 17g05	N1-402	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318007	45	KM0002	6	5	12g45 - 17g05	N1-402	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329809	45	KM0002	4	5	12g45 - 17g05	N1-405	08/10/25 - 03/12/25	
Quản trị tài chính		3	25C1FIN50503902	45	KM0002	4	5	12g45 - 17g05	N1-506	06/08/25 - 01/10/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502151	45	KM0002	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305208	45	KM0003	7	5	12g45 - 17g05	N1-506	09/08/25 - 04/10/25	Đổi ph.học
Phân tích kinh doanh		3	25C1BUS50318008	45	KM0003	7	5	12g45 - 17g05	N1-506	11/10/25 - 06/12/25	Đổi ph.học
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329810	45	KM0003	5	5	12g45 - 17g05	N1-405	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị tài chính		3	25C1FIN50503903	45	KM0003	5	5	12g45 - 17g05	N1-403	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-707	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502152	45	KM0003	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320909	60	KMP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-411	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-211	10/09/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321008	60	KMP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-411	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329811	60	KMP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-501	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị tài chính		3	25C1FIN50503904	60	KMP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-501	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502154	60	KMP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	

[CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002506	60	KMF001	7	5	12g45 - 17g05	B2-410	01/11/25 - 06/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320910	60	KMF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-801	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích kinh doanh	EN	3	25C1BUS50321009	60	KMF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-801	10/10/25 - 05/12/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122207	60	KMF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-802	08/08/25 - 12/09/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329906	60	KMF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-804	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị tài chính	EN	3	25C1FIN50506201	60	KMF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-804	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502153	60	KMF001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319809	60	KMF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-802	04/08/25 - 06/10/25	

[CT TV] NGÀNH MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH MARKETING KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305210	60	MR0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-601	02/10/25 - 04/12/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C1MAR50301703	60	MR0001	5	5	07g10 - 11g30	N1-601	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-701	20/09/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329814	60	MR0001	3	5	07g10 - 11g30	N1-701	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502160	60	MR0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305211	60	MR0002	6	5	07g10 - 11g30	N1-506	10/10/25 - 05/12/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C1MAR50301704	60	MR0002	6	5	07g10 - 11g30	N1-506	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329815	60	MR0002	4	5	07g10 - 11g30	N1-701	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502161	60	MR0002	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305212	40	MRP001	7	5	07g10 - 11g30	N1-606	11/10/25 - 06/12/25	
Nghiên cứu marketing	EN	3	25C1BUS50321502	40	MRP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-501	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị quốc tế		3	25C1BUS50329816	40	MRP001	5	5	07g10 - 11g30	N1-405	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502162	40	MRP001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002508	45	MRF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-808	28/10/25 - 02/12/25	
Kinh doanh quốc tế	EN	3	25C1BUS50320913	45	MRF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-508	06/10/25 - 01/12/25	
Nghiên cứu marketing	EN	3	25C1BUS50321503	45	MRF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-508	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-109	17/09/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122208	45	MRF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-506	27/10/25 - 01/12/25	
Quản trị quốc tế	EN	3	25C1BUS50329908	45	MRF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-507	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502163	45	MRF001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319811	45	MRF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-509	06/08/25 - 01/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006211	45	MRF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-507	08/08/25 - 12/09/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ

DS các lớp chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh: AD0001, AD0002, AD0003, AD0004, AD0005, AD0006 [Quản trị CT TV]; ADP001, ADP002, ADP003 [Quản trị CT TA BP]; CL0001, CL0002 [Quản trị chất lượng CT TV]; EM0001 [Quản trị khởi nghiệp CT TV]; EMP001 [Quản trị khởi nghiệp CT TA BP]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701103	50	BA0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-312	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201201	50	BA0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-402	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-509	12/09/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200301	50	BA0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-402	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502164	50	AD0001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211301	50	BA0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-312	08/10/25 - 03/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701104	50	BA0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-312	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-509	16/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201202	50	BA0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-312	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-509	23/08/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200302	50	BA0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-312	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502165	50	AD0002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211302	50	BA0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-312	02/10/25 - 04/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701105	50	BA0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-312	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201203	50	BA0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-401	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200303	50	BA0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-401	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502166	50	AD0003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211303	50	BA0003	6	5	12g45 - 17g05	N2-312	10/10/25 - 05/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701106	50	BA0004	7	5	12g45 - 17g05	N2-312	09/08/25 - 04/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201204	50	BA0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-401	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-510	23/09/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200304	50	BA0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-401	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502167	50	AD0004	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211304	50	BA0004	7	5	12g45 - 17g05	N2-312	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701107	50	BA0005	2	5	12g45 - 17g05	N2-403	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g45 - 12g05	N2-511	13/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201205	50	BA0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-401	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200305	50	BA0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-401	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502168	50	AD0005	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211305	50	BA0005	2	5	12g45 - 17g05	N2-403	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701108	50	BA0006	3	5	12g45 - 17g05	N2-401	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-511	14/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201206	50	BA0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-401	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200306	50	BA0006	7	5	12g45 - 17g05	N2-401	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502169	50	AD0006	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211306	50	BA0006	3	5	12g45 - 17g05	N2-401	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701109	50	BA0007	4	5	07g45 - 12g05	N2-310	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201207	50	BA0007	2	5	07g10 - 11g30	N2-312	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	19/09/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200307	50	BA0007	2	5	07g10 - 11g30	N2-312	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502170	50	CL0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211307	50	BA0007	4	5	07g10 - 11g30	N2-310	08/10/25 - 03/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701110	50	BA0008	5	5	07g45 - 12g05	N2-401	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	16/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201208	50	BA0008	3	5	07g10 - 11g30	N2-312	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	23/08/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200308	50	BA0008	3	5	07g10 - 11g30	N2-312	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502171	50	CL0002	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211308	50	BA0008	5	5	07g10 - 11g30	N2-401	02/10/25 - 04/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701111	50	BA0009	6	5	07g45 - 12g05	N2-402	08/08/25 - 03/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201209	50	BA0009	4	5	07g10 - 11g30	N2-311	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị điều hành		3	25C1MAN50200309	50	BA0009	4	5	07g10 - 11g30	N2-311	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502172	50	EM0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị		3	25C1MAN50211309	50	BA0009	6	5	07g10 - 11g30	N2-402	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701112	55	BAP001	7	5	07g45 - 12g05	N2-403	09/08/25 - 04/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201210	55	BAP001	5	5	07g10 - 11g30	N2-402	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	09/09/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25C1MAN50208801	55	BAP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-205	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502173	55	ADP001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25C1MAN50209001	55	BAP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-502	11/10/25 - 06/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701113	55	BAP002	2	5	07g45 - 12g05	N2-401	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	27/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201211	55	BAP002	6	5	07g10 - 11g30	N2-403	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25C1MAN50208802	55	BAP002	6	5	07g10 - 11g30	B2-301	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502174	55	ADP002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25C1MAN50209002	55	BAP002	2	5	07g10 - 11g30	B2-502	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701114	55	BAP003	3	5	07g45 - 12g05	N2-401	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	04/09/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201212	55	BAP003	7	5	07g10 - 11g30	N2-404	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25C1MAN50208803	55	BAP003	7	5	07g10 - 11g30	B2-303	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502175	55	ADP003	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25C1MAN50209003	55	BAP003	3	5	07g10 - 11g30	B2-204	07/10/25 - 02/12/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701115	55	BAP004	4	5	12g45 - 17g05	N2-402	06/08/25 - 01/10/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201213	55	BAP004	2	5	12g45 - 17g05	N2-404	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-510	26/09/25	
Quản trị điều hành	EN	3	25C1MAN50208804	55	BAP004	2	5	12g45 - 17g05	B2-304	06/10/25 - 01/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502176	55	EMP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tài chính cho nhà Quản trị	EN	3	25C1MAN50209004	55	BAP004	4	5	12g45 - 17g05	B2-204	08/10/25 - 03/12/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500205	52	TS0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-312	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500103	52	TS0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-309	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	28/08/25	
Quản trị đám đông		3	25C1TOU51500403	52	TS0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-309	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502116	52	TS0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506605	52	TS0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-511	11/10/25 - 06/12/25	
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500206	52	TS0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-311	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-509	05/09/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500104	52	TS0002	4	5	12g45 - 17g05	N2-309	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị đám đông		3	25C1TOU51500404	52	TS0002	4	5	12g45 - 17g05	N2-309	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502117	52	TS0002	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506606	52	TS0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-510	06/10/25 - 01/12/25	
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500207	52	TSP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-309	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-510	20/09/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500105	52	TSP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-309	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-510	13/09/25	
Quản trị đám đông	EN	3	25C1TOU51514401	52	TSP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-204	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502118	52	TSP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506607	52	TSP001	3	5	07g45 - 12g05	N2-307	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500201	35	KS0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-308	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	13/09/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500101	35	KS0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-304	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-510	30/08/25	
Quản trị đám đông		3	25C1TOU51500401	35	KS0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-410	02/10/25 - 04/12/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502112	35	KS0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506601	35	KS0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-511	07/10/25 - 02/12/25	
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500202	35	KSP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-103	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị du lịch	EN	3	25C1TOU51513301	35	KSP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-501	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị đám đông		3	25C1TOU51500402	35	KSP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-103	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502113	35	KSP001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506602	35	KSP001	6	5	07g45 - 12g05	N2-411	10/10/25 - 05/12/25	Đổi tg.học

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500203	68	SK0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-106	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-107	19/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502114	68	SK0001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506603	68	SK0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-105	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị du lịch		3	25C1TOU51500102	68	SK0001,A VTS1.K49	7	5	07g45 - 12g05	N2-105	09/08/25 - 04/10/25	
Khoa học quản trị		3	25C1TOU51500204	30	SKP001	6	5	07g45 - 12g05	N2-303	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị du lịch	EN	3	25C1TOU51513302	30	SKP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-304	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-211	03/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502115	30	SKP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C1TOU51506604	30	SKP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-301	10/10/25 - 05/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719521	55	FN0001	6	5	07g45 - 12g05	N2-409	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507204	55	FN0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-404	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021113	55	FN0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508425	55	FN0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-408	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	03/09/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719522	55	FN0002	7	5	07g45 - 12g05	N2-501	11/10/25 - 06/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507205	55	FN0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-408	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021114	55	FN0002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508426	55	FN0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-408	05/08/25 - 30/09/25	Hủy
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	11/09/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719523	55	FN0003	2	5	12g45 - 17g05	N2-408	06/10/25 - 01/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507206	55	FN0003	2	5	07g10 - 11g30	N2-409	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-509	26/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021115	55	FN0003	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508427	55	FN0003	4	5	12g45 - 17g05	N2-408	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719524	55	FN0004	3	5	12g45 - 17g05	N2-403	07/10/25 - 02/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507207	55	FN0004	3	5	07g10 - 11g30	N2-409	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-107	23/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021116	55	FN0004	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508428	55	FN0004	5	5	12g45 - 17g05	N2-408	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-107	30/08/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719525	55	FN0005	4	5	12g45 - 17g05	N2-409	08/10/25 - 03/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507208	55	FN0005	4	5	07g10 - 11g30	N2-404	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021117	55	FN0005	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508429	55	FN0005	6	5	12g45 - 17g05	N2-408	08/08/25 - 03/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719526	50	FNP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-409	02/10/25 - 04/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507209	50	FNP001	5	5	07g10 - 11g30	N2-410	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-509	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021118	50	FNP001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508430	50	FNP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-409	09/08/25 - 04/10/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719527	50	FNP002	6	5	12g45 - 17g05	N2-409	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507210	50	FNP002	6	5	07g10 - 11g30	N2-410	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021119	50	FNP002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508431	50	FNP002	2	5	12g45 - 17g05	N2-409	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N2-511	20/08/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719528	50	FNP003	7	5	12g45 - 17g05	N2-410	11/10/25 - 06/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507211	50	FNP003	7	5	07g10 - 11g30	N2-502	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021120	50	FNP003	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508432	50	FNP003	3	5	12g45 - 17g05	N2-404	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N2-511	28/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị học		3	25C1MAN50200106	55	HPTC.I.FN 0_01	6	5	07g10 - 11g30	N2-409	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200107	55	HPTC.I.FN 0_02	7	5	07g10 - 11g30	N2-207	09/08/25 - 04/10/25	Đổi ph.học
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103703	55	HPTC.I.FN 0_03	2	5	12g45 - 17g05	N2-408	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-509	19/09/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103704	55	HPTC.I.FN 0_04	3	5	12g45 - 17g05	N2-403	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-107	16/08/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701116	55	HPTC.I.FN 0_05	6	5	07g45 - 12g05	N2-311	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200108	55	HPTC.I.FN 0_05bs	4	5	12g45 - 17g05	N2-409	06/08/25 - 01/10/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200109	50	HPTC.I.FN P_01	5	5	12g45 - 17g05	N2-409	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-509	19/08/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103705	50	HPTC.I.FN P_02	6	5	12g45 - 17g05	N2-409	08/08/25 - 03/10/25	
Kế toán quản trị		3	25C1ACC50701117	50	HPTC.I.FN P_03	5	5	12g45 - 17g05	N2-404	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200112	60	HPTC.I.FN P_03bs	7	5	12g45 - 17g05	N2-410	09/08/25 - 04/10/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002509	50	FNF001	3	5	12g45 - 17g05	B1-802	28/10/25 - 02/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720402	50	FNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-508	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	15/08/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909202	50	FNF001	4	5	12g45 - 17g05	B2-101	29/10/25 - 03/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510602	50	FNF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-509	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-109	22/08/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122209	50	FNF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-707	06/08/25 - 10/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021121	50	FNF001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504304	50	FNF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-804	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319816	50	FNF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-708	08/08/25 - 03/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006212	50	FNF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-509	27/10/25 - 01/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002510	50	FNF002	6	5	12g45 - 17g05	B1-507	31/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720403	50	FNF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-508	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-706	06/09/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909203	50	FNF002	5	5	12g45 - 17g05	B2-104	23/10/25 - 04/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510603	50	FNF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-509	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-706	13/09/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122210	50	FNF002	5	5	12g45 - 17g05	B1-509	07/08/25 - 11/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021122	50	FNF002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504305	50	FNF002	5	5	07g10 - 11g30	B1-509	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319817	50	FNF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-708	09/08/25 - 04/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006213	50	FNF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-509	28/10/25 - 02/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002511	50	FNF003	5	5	12g45 - 17g05	B1-706	23/10/25 - 04/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720404	50	FNF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-508	06/08/25 - 01/10/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909204	50	FNF003	6	5	12g45 - 17g05	B2-104	31/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510604	50	FNF003	4	5	12g45 - 17g05	B1-708	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122211	50	FNF003	6	5	12g45 - 17g05	B1-508	08/08/25 - 12/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021123	50	FNF003	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504306	50	FNF003	6	5	07g10 - 11g30	B1-508	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319818	50	FNF003	2	5	07g10 - 11g30	B1-509	04/08/25 - 06/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006214	50	FNF003	4	5	07g10 - 11g30	B1-508	29/10/25 - 03/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507203	30	FI0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-410	04/08/25 - 29/09/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	05/09/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719520	65	FI0001,FIP 001	2	5	07g45 - 12g05	N2-106	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608404	65	FI0001,FIP 001	2	5	07g45 - 12g05	N2-106	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	12/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021112	65	FI0001,FIP 001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508424	65	FI0001,FIP 001	4	5	07g10 - 11g30	N2-106	06/08/25 - 01/10/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510601	45	FIP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-304	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-211	12/08/25	

[CT TV] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719529	50	IF0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-410	07/10/25 - 02/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507212	50	IF0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-408	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	27/09/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608405	50	IF0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-410	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021124	50	IF0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508433	50	IF0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-411	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	20/09/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719530	40	IFP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-408	08/10/25 - 03/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510605	40	IFP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-502	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-212	27/08/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608406	40	IFP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-408	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021125	40	IFP001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508434	40	IFP001	6	5	07g10 - 11g30	N2-411	08/08/25 - 03/10/25	

[CT TA TP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002512	40	IFF001	2	5	12g45 - 17g05	B2-305	27/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720405	40	IFF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-409	02/10/25 - 04/12/25	
Khoa học dữ liệu	EN	2	25C1INF50909205	40	IFF001	7	5	12g45 - 17g05	B2-103	08/11/25 - 06/12/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-512	02/12/25	
Lý thuyết tài chính	EN	3	25C1FIN50510606	40	IFF001	5	5	12g45 - 17g05	B1-409	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-211	19/08/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122212	40	IFF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-509	09/08/25 - 13/09/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng	EN	3	25C1BAN50610701	40	IFF001	5	5	07g10 - 11g30	B1-409	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-211	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021126	40	IFF001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504307	40	IFF001	7	5	07g10 - 11g30	B1-509	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319819	40	IFF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-509	05/08/25 - 07/10/25	

[CT TA TP] NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (Đề án nhân lực trình độ quốc tế_TP.HCM) KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002549	30	FBDPF1	4	5	07g10 - 11g30	B1-704	29/10/25 - 03/12/25	
Kế toán tài chính căn bản	EN	3	25C1ACC50720406	30	FBDPF1	7	5	07g10 - 11g30	B1-701	18/10/25 - 06/12/25	Hủy
						6	5	12g45 - 17g05	B2-501	07/11/25	
Khoa học dữ liệu trong tài chính	EN	3	25C1DAT50515501	30	FBDPF1	2	5	12g45 - 17g05	B2-512	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-103	26/09/25	
Khởi nghiệp kinh doanh	EN	2	25C1ENT50223201	30	FBDPF1	5	5	07g10 - 11g30	B1-505	07/08/25 - 11/09/25	Hủy
Kinh tế lượng	EN	3	25C1INT50516001	30	FBDPF1	7	5	12g45 - 17g05	B1-408	18/10/25 - 06/12/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-501	14/11/25	
Luật doanh nghiệp	EN	3	25C1LAW51107203	30	FBDPF1	4	5	07g10 - 11g30	B1-701	06/08/25 - 01/10/25	
Marketing	EN	3	25C1MAR50334301	30	FBDPF1	4	5	12g45 - 17g05	B1-701	06/08/25 - 01/10/25	
Phát triển bền vững	EN	2	25C1ECO50122213	30	FBDPF1	2	5	07g10 - 11g30	B1-803	04/08/25 - 15/09/25	
SQL and Databases	EN	3	25C1SQL50515601	30	FBDPF1	5	5	07g10 - 11g30	B2-512	16/10/25 - 04/12/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-508	24/10/25 - 31/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021156	30	FBDPF1	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	EN	3	25C1MON50516401	30	FBDPF1	7	4	07g10 - 11g30	B1-701	11/10/25 - 06/12/25	Đổi tg.học
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006221	30	FBDPF1	5	5	12g45 - 17g05	B1-701	07/08/25 - 11/09/25	
VBA - Visual Basic for Applications	EN	3	25C1VBA50515701	30	FBDPF1	3	5	07g10 - 11g30	B2-104	14/10/25 - 02/12/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-508	05/12/25	

[CT TV] NGÀNH BẢO HIỂM KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25C1TAX50401604	60	IN0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-105	10/10/25 - 05/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719531	60	IN0001	6	5	07g45 - 12g05	N2-105	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507213	60	IN0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-105	08/08/25 - 03/10/25	
Nguyên lý bảo hiểm		3	25C1FIN50502301	60	IN0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-105	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021127	60	IN0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	

[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vi mô		3	25C1ECO50100102	55	IT0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-202	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-510	06/09/25	
Lập trình hướng đối tượng		3	25C1INF50903702	55	IT0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-508	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B2-507	30/08/25	
Mạng máy tính		3	25C1INF50902402	55	IT0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-508	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50911901	55	IT0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-508	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502107	55	IT0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900802	60	BI0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-307	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502101	60	BI0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901101	60	BI0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-307	08/10/25 - 03/12/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900601	32	BI0001.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-102	06/10/25 - 01/12/25	Đổi ph.học
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900501	32	BI0001.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-102	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B2-103	19/09/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900602	32	BI0001.2	3	5	07g10 - 11g30	B2-511	07/10/25 - 02/12/25	Đổi ph.học
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900502	32	BI0001.2	3	5	07g10 - 11g30	B2-102	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-104	16/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900603	52	ER0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-508	06/10/25 - 01/12/25	Đôi ph.học
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900805	52	ER0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-308	06/08/25 - 01/10/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719502	52	ER0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-310	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-509	29/08/25	
Phân tích nghiệp vụ kinh doanh		3	25C1INF50900901	52	ER0001	2	5	07g10 - 11g30	B2-508	06/10/25 - 01/12/25	Đôi ph.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502106	52	ER0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901105	52	ER0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-308	08/10/25 - 03/12/25	

[CT TV] NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25C1INF50900701	52	SE0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-512	08/10/25 - 03/12/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900604	55	SE0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-508	08/10/25 - 03/12/25	Đổi ph.học
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900506	55	SE0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-512	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502108	52	SE0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901106	55	SE0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-308	10/10/25 - 05/12/25	

[CT TV] NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Lập trình Python		3	25C1INF50915201	60	CS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-508	08/08/25 - 03/10/25	
Lập trình hướng đối tượng		3	25C1INF50903701	60	CS0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-507	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-507	30/08/25	
Lý thuyết đồ thị		3	25C1INF50915101	60	CS0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-310	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502102	60	CS0001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Trí tuệ nhân tạo		3	25C1INF50904203	60	CS0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-507	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900503	60	EE0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-508	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-508	03/09/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900803	60	EE0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-310	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200102	60	EE0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-308	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502103	60	EE0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901102	60	EE0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-310	10/10/25 - 05/12/25	
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900504	60	EE0002	5	5	07g10 - 11g30	B2-508	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-507	23/09/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C1INF50900804	60	EE0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-309	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200103	60	EE0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-208	09/08/25 - 04/10/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502104	60	EE0002	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901103	60	EE0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-309	11/10/25 - 06/12/25	
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900505	40	EEP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-103	08/08/25 - 03/10/25	
Hệ thống thông tin quản lý	EN	3	25C1INF50905501	40	EEP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-308	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	13/08/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200104	40	EEP001	2	5	12g45 - 17g05	N2-309	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-511	20/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502105	40	EEP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901104	40	EEP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-308	06/10/25 - 01/12/25	

[CT TV] NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế vi mô		3	25C1ECO50100103	48	CY0001	3	5	07g10 - 11g30	N2-307	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	14/08/25	
Lý thuyết mật mã		3	25C1INF50911701	48	CY0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-308	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-511	21/08/25	
Lý thuyết thông tin và mã hóa		3	25C1INF50911801	48	CY0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-308	07/10/25 - 02/12/25	
Mạng máy tính		3	25C1INF50902403	48	CY0001	5	5	07g10 - 11g30	B2-510	02/10/25 - 04/12/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021106	48	CY0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	

[CT TV] NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25C1INF50900702	45	DS0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-104	10/10/25 - 05/12/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900609	45	DS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-102	10/10/25 - 05/12/25	
Cơ sở lập trình		3	25C1INF50900507	45	DS0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-102	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021105	45	DS0001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Toán dành cho tin học		3	25C1INF50901107	45	DS0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-302	06/10/25 - 01/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 50 ĐHCQ

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 50 ĐHCQ

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế kỹ thuật		3	25C1INT54700501	72	IC0001,ICP 001	3 CN	5 5	12g45 - 17g05 07g10 - 11g30	B1-404 B2-207	05/08/25 - 30/09/25 07/09/25	Hủy
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021153	75	IC0001,ICP 001	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Thị giác máy		3	25C1INT54702401	72	IC0001,ICP 001	4	5	07g10 - 11g30	B1-402	06/08/25 - 01/10/25	
Điều khiển Logic khả trình		3	25C1INT54710301	72	IC0001,ICP 001	3	5	12g45 - 17g05	B1-403	07/10/25 - 02/12/25	
Điện tử công suất		3	25C1INT54710101	72	IC0001,ICP 001	4	5	12g45 - 17g05	B1-404	06/08/25 - 01/10/25	
Cơ cấu chấp hành và cảm biến		3	25C1INT54701501	65	IC0001,RA 0001	5 CN	5 5	07g10 - 11g30 07g10 - 11g30	B1-403 B2-207	07/08/25 - 25/09/25 31/08/25	
Khoa học máy tính 2		3	25C1INT54702001	65	IC0001,RA 0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-404	08/08/25 - 03/10/25	
Kỹ thuật robot 1		3	25C1INT54701801	65	IC0001,RA 0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-404	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết điều khiển tự động		3	25C1INT54701201	65	IC0001,RA 0001	5	5	12g45 - 17g05	B1-403	02/10/25 - 04/12/25	
Thiết kế máy		3	25C1INT54701701	65	IC0001,RA 0001	4	5	12g45 - 17g05	B1-403	08/10/25 - 03/12/25	
Vi điều khiển		3	25C1INT54701401	65	IC0001,RA 0001	2 CN	5 5	12g45 - 17g05 07g10 - 11g30	B1-402 B2-207	04/08/25 - 29/09/25 24/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ cấu chấp hành và cảm biến	EN	3	25C1INT54706101	30	ICP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-409	05/08/25 - 30/09/25	Hủy
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	14/09/25	
Khoa học máy tính 2	EN	3	25C1INT54709001	30	ICP001	5	5	12g45 - 17g05	B1-506	07/08/25 - 25/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	28/09/25	
Kỹ thuật robot 1	EN	3	25C1INT54706201	30	ICP001	6	5	12g45 - 17g05	B1-407	10/10/25 - 05/12/25	
Lý thuyết điều khiển tự động	EN	3	25C1INT54708801	30	ICP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-503	02/10/25 - 04/12/25	
Thiết kế máy	EN	3	25C1INT54708001	30	ICP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-707	08/10/25 - 03/12/25	
Vi điều khiển	EN	3	25C1INT54706501	30	ICP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-504	04/08/25 - 29/09/25	Hủy
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	21/09/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25C1ENG51319901	37	K50.TACT D1.IC0.ICP _01	7	5	07g10 - 11g30	B2-304	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25C1ENG51319902	37	K50.TACT D1.IC0.ICP _02	7	5	12g45 - 17g05	B2-502	09/08/25 - 04/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công nghệ quản lý kho vận và tồn kho		3	25C1INT54712401	50	LT0.LTP_0 1B	2	5	12g45 - 17g05	B1-505	04/08/25 - 29/09/25	Đổi ph.học
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	28/09/25	
Cơ cấu chấp hành và cảm biến		3	25C1INT54701502	40	LT0001	6	5	07g10 - 11g30	B2-504	10/10/25 - 05/12/25	
Kinh tế kỹ thuật		3	25C1INT54700503	40	LT0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-503	05/08/25 - 30/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	05/10/25	
Kỹ thuật robot 1		3	25C1INT54701802	40	LT0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-502	02/10/25 - 04/12/25	
Thiết kế máy		3	25C1INT54701702	40	LT0001	3	5	12g45 - 17g05	B2-501	07/10/25 - 02/12/25	Hủy
Vận trù học		3	25C1INT54704801	40	LT0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-501	08/10/25 - 03/12/25	
Nguyên lý kế toán		3	25C1ACC50700101	65	LT0001,LT P001	5	5	07g10 - 11g30	B2-307	07/08/25 - 25/09/25	Đổi ph.học
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	17/08/25	
Nguyên lý kế toán		3	25C1ACC50700102	65	LT0001,LT P001	5	5	07g10 - 11g30	B2-307	07/08/25 - 25/09/25	Bổ sung Hủy
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-109	17/08/25	
Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin		3	25C1INT54712301	65	LT0001,LT P001	6	5	12g45 - 17g05	B1-402	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021155	65	LT0001,LT P001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thiết kế và quản lý chuỗi cung ứng		3	25C1INT54704901	65	LT0001,LT P001	2	5	07g10 - 11g30	B2-402	06/10/25 - 01/12/25	
Cơ cấu chấp hành và cảm biến	EN	3	25C1INT54706103	25	LTP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-504	02/10/25 - 04/12/25	
Cơ kỹ thuật 2	EN	3	25C1INT54707802	25	LTP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-502	05/08/25 - 30/09/25	
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-207	05/10/25	
Kinh tế kỹ thuật	EN	3	25C1INT54707201	25	LTP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-411	06/08/25 - 01/10/25	
Kỹ thuật robot 1	EN	3	25C1INT54706203	25	LTP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-502	08/10/25 - 03/12/25	
Thiết kế máy	EN	3	25C1INT54708003	25	LTP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-302	07/10/25 - 02/12/25	Hủy
Vận trù học	EN	3	25C1INT54706301	25	LTP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-302	08/10/25 - 03/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Học máy		3	25C1INT54703401	65	HPTC.I.RA 0.RAP_RA 0001,RAP0 01	7	5	12g45 - 17g05	B2-402	11/10/25 - 06/12/25	
Thí nghiệm vật lý		1	25C1INT54700301	30	RA.LT_TN VL_01B	2	5	12g45 - 17g05	Xuong1nv l	27/10/25 - 01/12/25	
Thí nghiệm vật lý		1	25C1INT54700302	30	RA.LT_TN VL_02B	3	5	07g10 - 11g30	Xuong1nv l	28/10/25 - 02/12/25	
Thí nghiệm vật lý		1	25C1INT54700303	30	RA.LT_TN VL_03B	3	5	12g45 - 17g05	Xuong1nv l	28/10/25 - 02/12/25	Hủy
Cơ kỹ thuật 2		3	25C1INT54701101	65	RA0001,LT 0001	2	5	07g10 - 11g30	B1-404	04/08/25 - 29/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	31/08/25	
Kinh tế kỹ thuật		3	25C1INT54700502	60	RA0001,R AP001	5	5	12g45 - 17g05	B1-404	07/08/25 - 25/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	24/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021154	65	RA0001,R AP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thị giác máy		3	25C1INT54702402	60	RA0001,R AP001	7	5	07g10 - 11g30	B1-404	11/10/25 - 06/12/25	
Trí tuệ nhân tạo	EN	3	25C1INT54706801	50	RAP.LTP_ 01B	3	5	07g10 - 11g30	B2-504	05/08/25 - 07/10/25	
Trí tuệ nhân tạo		3	25C1INT54702201	50	RA0.LT0_0 1B	5	5	12g45 - 17g05	B2-306	07/08/25 - 25/09/25	Bổ sung
						CN	5	07g10 - 11g30	B2-305	21/09/25	
Cơ cấu chấp hành và cảm biến	EN	3	25C1INT54706102	35	RAP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-409	06/08/25 - 01/10/25	
Cơ kỹ thuật 2	EN	3	25C1INT54707801	35	RAP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-407	04/08/25 - 29/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	21/09/25	
Khoa học máy tính 2	EN	3	25C1INT54709002	35	RAP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-502	07/08/25 - 25/09/25	Đổi ph.học
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	14/09/25	
Kỹ thuật robot 1	EN	3	25C1INT54706202	35	RAP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-306	07/10/25 - 02/12/25	
Lý thuyết điều khiển tự động	EN	3	25C1INT54708802	35	RAP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-502	05/08/25 - 30/09/25	
						CN	5	12g45 - 17g05	B2-207	07/09/25	
Thiết kế máy	EN	3	25C1INT54708002	40	RAP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-407	06/10/25 - 01/12/25	
Vì điều khiển	EN	3	25C1INT54706502	35	RAP001	6	5	12g45 - 17g05	B1-407	08/08/25 - 03/10/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án Nghệ thuật và văn hóa		3	25C1MED54815501	50	DD0001	7	5	07g10 - 11g30	B1-505	27/09/25 - 03/01/26	
Dựng hình và kết xuất		3	25C1MED54816901	50	DD0001	2	5	12g45 - 17g05	B2-510	04/08/25 - 08/12/25	
Sáng tạo nội dung truyền thông		3	25C1MED54815901	50	DD0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-408	08/08/25 - 24/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021150	50	DD0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Dự án Nghệ thuật và văn hóa	EN	3	25C1MED54817701	40	DDF001	7	5	12g45 - 17g05	B1-407	27/09/25 - 03/01/26	
Dựng hình và kết xuất	EN	3	25C1MED54817801	40	DDF001	4	5	07g10 - 11g30	B2-510	06/08/25 - 03/12/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002428	40	DDF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-505	08/08/25 - 12/09/25	
Sáng tạo nội dung truyền thông	EN	3	25C1MED54817302	40	DDF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-505	04/08/25 - 27/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021152	40	DDF001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320037	40	DDF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-409	08/08/25 - 03/10/25	
Dự án Nghệ thuật và văn hóa		3	25C1MED54815502	20	DDP001	3	5	12g45 - 17g05	B1-406	23/09/25 - 30/12/25	Hủy
Dựng hình và kết xuất		3	25C1MED54816902	20	DDP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-510	07/08/25 - 11/12/25	
Sáng tạo nội dung truyền thông	EN	3	25C1MED54817301	20	DDP001	5	5	07g10 - 11g30	B1-408	07/08/25 - 23/10/25	Hủy
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021151	20	DDP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Quản trị và truyền thông		3	25C1MED54800601	50	HPTC.I.DD 0_DD0001	5	5	07g10 - 11g30	B1-407	07/08/25 - 23/10/25	
Quản trị và truyền thông	EN	3	25C1MED54807202	40	HPTC.I.DD F_DDF001	3	5	07g10 - 11g30	B1-505	05/08/25 - 28/10/25	
Quản trị và truyền thông	EN	3	25C1MED54807201	20	HPTC.I.DD P_DDP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-704	06/08/25 - 22/10/25	Hủy

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT(ART TECH) KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT (ART TECH) KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công thái học		3	25C1MED54811701	42	AT0001	3	5	12g45 - 17g05	B1-409	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B1-409	09/08/25 - 06/09/25	
Hiệu ứng hình ảnh VFX		3	25C1MED54812201	42	AT0001	3	5	07g10 - 11g30	B2-510	23/09/25 - 30/12/25	
Mình họa kỹ thuật số		2	25C1MED54810901	42	AT0001	6	5	12g45 - 17g05	B2-510	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021148	42	AT0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Studio thuật toán sáng tạo		3	25C1MED54819301	42	AT0001	2	5	07g10 - 11g30	B1-701	04/08/25 - 15/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B1-701	07/08/25 - 11/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B1-701	08/08/25 - 12/09/25	
Thiết kế ảo và tương tác		3	25C1MED54812501	42	AT0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-105	27/08/25 - 22/10/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-105	19/09/25 - 24/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005946	42	AT0001	4	5	07g10 - 11g30	B1-702	06/08/25 - 10/09/25	Đổi tg.học
Công thái học		3	25C1MED54811702	30	ATP001	3	5	07g10 - 11g30	B1-804	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-505	09/08/25 - 06/09/25	
Hiệu ứng hình ảnh VFX		3	25C1MED54812202	30	ATP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-510	23/09/25 - 30/12/25	
Mình họa kỹ thuật số		2	25C1MED54810902	30	ATP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-510	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021149	30	ATP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Studio thuật toán sáng tạo		3	25C1MED54819302	30	ATP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-405	04/08/25 - 15/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B1-405	06/08/25 - 10/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-405	08/08/25 - 12/09/25	
Thiết kế ảo và tương tác		3	25C1MED54812502	30	ATP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-105	28/08/25 - 16/10/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-105	13/09/25 - 25/10/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006220	30	ATP001	4	5	12g45 - 17g05	B1-702	06/08/25 - 10/09/25	Đổi tg.học

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201701	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _01	5	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
						5	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201702	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _02	5	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
						5	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201703	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _03	5	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
						5	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	07/08/25 - 09/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201704	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _04	6	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
						6	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201705	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _05	6	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
						6	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
Đồ án cơ bản 3		3	25C1ARC51201706	16	K50.DACB 3.SC0.SCP _06	6	5	12g45 - 17g05	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	
						6	5	07g10 - 11g30	StudioLab _VTS	08/08/25 - 10/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902201	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 01	3	5	12g45 - 17g05	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902202	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 02	3	5	12g45 - 17g05	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
						3	5	07g10 - 11g30	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902203	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 03	3	5	07g10 - 11g30	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B2-215	07/10/25 - 30/12/25	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902204	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 04	7	5	12g45 - 17g05	B2-215	18/10/25 - 10/01/26	Đổi tg.học
						7	5	07g10 - 11g30	B2-215	18/10/25 - 10/01/26	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902205	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 05	7	5	07g10 - 11g30	B2-215	18/10/25 - 10/01/26	Đổi tg.học
						7	5	12g45 - 17g05	B2-215	18/10/25 - 10/01/26	
Đồ án kiến trúc 2		4	25C1ARC54902206	16	K50.DAKT .SC0.SCP_ 06	7	5	07g10 - 11g30	B2-215	18/10/25 - 10/01/26	Đổi tg.học
						7	5	12g45 - 17g05	B2-215	18/10/25 - 10/01/26	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021146	65	SC0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Lịch sử kiến trúc và đô thị		3	25C1ARC51202001	33	SC0001.1	7	5	07g10 - 11g30	B1-409	09/08/25 - 27/09/25	Đổi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	B1-506	11/10/25	
Thiết kế cảnh quan thông minh		3	25C1ARC51202601	33	SC0001.1	6	5	12g45 - 17g05	B1-805	31/10/25 - 26/12/25	
Lịch sử kiến trúc và đô thị		3	25C1ARC51202002	32	SC0001.2	7	5	12g45 - 17g05	B1-408	09/08/25 - 11/10/25	
Thiết kế cảnh quan thông minh		3	25C1ARC51202602	32	SC0001.2	2	5	12g45 - 17g05	B1-406	27/10/25 - 22/12/25	
Lịch sử kiến trúc và đô thị	EN	3	25C1ARC54904201	30	SCP001	2	5	07g10 - 11g30	B1-409	04/08/25 - 13/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021147	30	SCP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Thiết kế cảnh quan thông minh	EN	3	25C1ARC54904401	30	SCP001	6	5	07g10 - 11g30	B1-805	31/10/25 - 26/12/25	

[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25C1TEC55005001	40	FE0001	7	5	12g45 - 17g05	B2-402	09/08/25 - 04/10/25	Đổi tg.học
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507201	40	FE0001	7	5	07g10 - 11g30	B2-305	09/08/25 - 04/10/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021107	40	FE0001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508422	40	FE0001	3	5	07g10 - 11g30	N1-405	07/10/25 - 02/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608801	40	FE0001	7	5	07g45 - 12g05	N1-405	11/10/25 - 06/12/25	
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	25C1TEC55005002	40	FEP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-410	09/08/25 - 04/10/25	Đổi tg.học
Lý thuyết tài chính		3	25C1FIN50507202	40	FEP001	2	5	12g45 - 17g05	N1-405	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N1-707	12/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021108	40	FEP001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508423	40	FEP001	4	5	12g45 - 17g05	N1-707	08/10/25 - 03/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608802	40	FEP001	2	5	12g45 - 17g05	N1-405	06/10/25 - 01/12/25	

[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An ninh thông tin		3	25C1INF50904002	65	TI0001	6	5	07g10 - 11g30	B1-502	08/08/25 - 03/10/25	
Hệ thống kỹ thuật số căn bản		3	25C1TEC55002401	65	TI0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-508	06/08/25 - 01/10/25	
Hệ thống đổi mới sáng tạo toàn cầu		3	25C1TEC55000301	65	TI0001	5	5	07g10 - 11g30	V.11	07/08/25 - 18/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	V.11	30/08/25 - 06/09/25	
Khoa học dữ liệu nâng cao		3	25C1TEC55002301	65	TI0001	3	5	07g10 - 11g30	B1-403	05/08/25 - 30/09/25	Đổi ph.học
						7	5	07g10 - 11g30	B1-402	23/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021109	65	TI0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Lập trình ứng dụng		3	25C1TEC55002502	35	TI0001.1	2	5	12g45 - 17g05	B2-511	06/10/25 - 01/12/25	Đổi ph.học
Lập trình ứng dụng		3	25C1TEC55002504	30	TI0001.2	3	5	12g45 - 17g05	B2-104	07/10/25 - 02/12/25	
An ninh thông tin		3	25C1INF50904003	45	TIP001	4	5	07g10 - 11g30	B1-505	06/08/25 - 01/10/25	
Hệ thống kỹ thuật số căn bản		3	25C1TEC55002402	45	TIP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-102	06/08/25 - 01/10/25	
Hệ thống đổi mới sáng tạo toàn cầu		3	25C1TEC55000302	45	TIP001	5	5	12g45 - 17g05	V.11	07/08/25 - 18/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	V.11	30/08/25 - 06/09/25	
Khoa học dữ liệu nâng cao		3	25C1TEC55002302	45	TIP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-512	08/08/25 - 03/10/25	
Lập trình ứng dụng		3	25C1TEC55002503	45	TIP001	6	5	12g45 - 17g05	B2-512	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021110	45	TIP001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thống kê toán		3	25C1MAT50800801	50	AS0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-310	11/10/25 - 06/12/25	Đổi tg.học
Toán tài chính (dành cho chuyên viên định phí)		3	25C1MAT50806601	50	AS0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-310	09/08/25 - 04/10/25	Đổi tg.học
Lý thuyết xác suất nâng cao		3	25C1MAT50806501	72	AS0001,AS P001	7	5	12g45 - 17g05	N2-105	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502109	72	AS0001,AS P001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900605	35	AS0001,AS P001.1	5	5	12g45 - 17g05	N1-306	02/10/25 - 04/12/25	
Lập trình cơ bản		3	25C1INF50906601	35	AS0001,AS P001.1	5	5	12g45 - 17g05	N1-306	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-306	26/08/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900606	35	AS0001,AS P001.2	5	5	07g10 - 11g30	N1-306	02/10/25 - 04/12/25	
Lập trình cơ bản		3	25C1INF50906602	35	AS0001,AS P001.2	5	5	07g10 - 11g30	N1-306	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-306	09/09/25	
Thống kê toán	EN	3	25C1MAT50808401	30	ASP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-306	10/10/25 - 05/12/25	Đổi tg.học
Toán tài chính (dành cho chuyên viên định phí)	EN	3	25C1MAT50808501	30	ASP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-306	08/08/25 - 03/10/25	Đổi tg.học

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900607	55	FM0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-508	02/10/25 - 04/12/25	
Lập trình cơ bản		3	25C1INF50906603	55	FM0001	5	5	12g45 - 17g05	B2-508	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-507	06/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502110	55	FM0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508402	55	FM0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-309	06/10/25 - 01/12/25	
Thống kê toán		3	25C1MAT50800802	55	FM0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-309	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	12/09/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Thống kê ứng dụng trong Kté và KD II		3	25C1STA50802701	35	TK0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-302	07/10/25 - 02/12/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900608	50	TK0001,TK P001	3	5	07g10 - 11g30	B2-508	05/08/25 - 30/09/25	Đổi ph.học
						5	5	07g10 - 11g30	B2-510	21/08/25	
Cơ sở dữ liệu		3	25C1INF50900610	50	01bs	3	5	07g10 - 11g30	B2-103	05/08/25 - 30/09/25	Bổ sung – Hủy
						5	5	07g10 - 11g30	B2-512	21/08/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402902	50	TK0001,TK P001	7	5	07g10 - 11g30	N2-311	11/10/25 - 06/12/25	
Quản trị học		3	25C1MAN50200105	50	TK0001,TK P001	7	5	07g10 - 11g30	N2-311	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502111	50	TK0001,TK P001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tin học trong kinh doanh		3	25C1INF50900101	50	TK0001,TK P001	3	5	07g10 - 11g30	B2-512	07/10/25 - 02/12/25	
Thống kê ứng dụng trong Kté và KD II	EN	3	25C1STA50809201	15	TKP001	5	5	12g45 - 17g05	B1-705	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	B1-406	12/08/25	

[CT TV] NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế bất động sản		3	25C1ECO50105601	50	RE0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-403	06/10/25 - 01/12/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113804	50	RE0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-403	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25C1ECO50108803	50	RE0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-403	08/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế đô thị		3	25C1ECO50105501	50	RE0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-403	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502192	50	RE0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Đầu tư và tài trợ bất động sản		3	25C1ECO50105101	50	RE0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-403	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	07g10 - 11g30	N2-510	03/10/25	
Kinh tế bất động sản		3	25C1ECO50105602	50	RE0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-403	07/10/25 - 02/12/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113805	50	RE0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-403	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-509	13/09/25	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	25C1ECO50108804	50	RE0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-403	02/10/25 - 04/12/25	
Kinh tế đô thị		3	25C1ECO50105502	50	RE0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-403	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502193	50	RE0002	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Đầu tư và tài trợ bất động sản		3	25C1ECO50105102	50	RE0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-403	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-509	20/09/25	

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113901	40	AR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-105	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C1BUS50305213	60	AR0001,A RP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-105	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh tế học chuỗi giá trị nông sản thực phẩm		3	25C1ECO50122401	60	AR0001,A RP001	4	5	12g45 - 17g05	N2-105	08/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106701	60	AR0001,A RP001	4	5	07g10 - 11g30	N2-105	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502182	60	AR0001,A RP001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Kinh tế học tài chính	EN	3	25C1ECO50123901	30	ARP001	2	5	12g45 - 17g05	B1-406	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-705	29/08/25	

[CT TV] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng		3	25C1MAT50800402	72	ECO001	5	5	12g45 - 17g05	N2-106	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-107	12/08/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113801	72	ECO001	7	5	12g45 - 17g05	N2-207	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502183	72	ECO001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tối ưu hóa		3	25C1MAT50800301	72	ECO001	5	5	12g45 - 17g05	N2-106	02/10/25 - 04/12/25	
Kinh tế lượng	EN	3	25C1MAT50800403	40	ECOP01	6	5	12g45 - 17g05	N2-402	08/08/25 - 03/10/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng (EN)		3	25C1ECO50119201	40	ECOP01	2	5	12g45 - 17g05	B2-305	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-109	13/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502184	40	ECOP01	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tối ưu hóa		3	25C1MAT50800302	40	ECOP01	6	5	12g45 - 17g05	N2-402	10/10/25 - 05/12/25	

[CT TV] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113902	55	IV0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-410	06/08/25 - 01/10/25	Đổi tg.học
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106705	55	IV0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-401	06/08/25 - 01/10/25	
Kinh tế phát triển		3	25C1ECO50100702	55	IV0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-404	08/08/25 - 03/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502188	55	IV0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Trực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114203	55	IV0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-402	08/10/25 - 03/12/25	
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113903	55	IV0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-410	07/08/25 - 25/09/25	Đổi tg.học
						3	5	12g45 - 17g05	N2-509	09/09/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106706	55	IV0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-408	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-509	12/08/25	
Kinh tế phát triển		3	25C1ECO50100703	55	IV0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-408	09/08/25 - 04/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502189	55	IV0002	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Trực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114204	55	IV0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-309	02/10/25 - 04/12/25	
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113904	50	IVP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-410	08/08/25 - 03/10/25	Đổi tg.học
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106707	50	IVP001	6	5	07g10 - 11g30	N2-201	08/08/25 - 03/10/25	
Kinh tế phát triển (EN)	EN	3	25C1ECO50112502	50	IVP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-305	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-502	17/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502190	50	IVP001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Trực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114205	50	IVP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-511	10/10/25 - 05/12/25	
Kinh tế học tài chính		3	25C1ECO50113905	50	IVP002	7	5	12g45 - 17g05	N2-501	09/08/25 - 04/10/25	Đổi tg.học
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106708	50	IVP002	7	5	07g10 - 11g30	N2-409	09/08/25 - 04/10/25	
Kinh tế phát triển (EN)	EN	3	25C1ECO50112503	50	IVP002	3	5	07g10 - 11g30	B2-306	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B2-211	11/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502191	50	IVP002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Trực quan hoá và hệ thống thông tin địa lý		3	25C1ECO50114206	50	IVP002	7	5	12g45 - 17g05	N2-510	11/10/25 - 06/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106709	40	VA0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-506	08/08/25 - 03/10/25	Đổi tg.học
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113806	40	VA0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-506	06/08/25 - 01/10/25	Đổi tg.học
Nguyên lý thẩm định giá		3	25C1ECO50117405	40	VA0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-506	10/10/25 - 05/12/25	
Pháp luật về thẩm định giá		3	25C1LAW51109301	40	VA0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-410	06/10/25 - 01/12/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502194	40	VA0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	Đổi tg.học
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106710	40	VA0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-506	09/08/25 - 04/10/25	Đổi tg.học
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113807	40	VA0002	5	5	12g45 - 17g05	N2-506	07/08/25 - 25/09/25	Đổi tg.học
						3	5	07g10 - 11g30	N2-509	12/08/25	
Nguyên lý thẩm định giá		3	25C1ECO50117406	40	VA0002	7	5	12g45 - 17g05	N2-506	11/10/25 - 06/12/25	
Pháp luật về thẩm định giá		3	25C1LAW51109302	40	VA0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-509	06/10/25 - 01/12/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502195	40	VA0002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106711	40	VAP001	6	5	12g45 - 17g05	N2-512	08/08/25 - 03/10/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng (EN)	EN	3	25C1ECO50119203	40	VAP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-306	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	07g10 - 11g30	B2-109	20/08/25	
Nguyên lý thẩm định giá (EN)	EN	3	25C1ECO50112103	40	VAP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-306	06/10/25 - 01/12/25	
Pháp luật về thẩm định giá		3	25C1LAW51109303	40	VAP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-409	07/10/25 - 02/12/25	Đổi tg.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502196	40	VAP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dân số và phát triển		3	25C1ECO50115801	50	HR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-312	08/10/25 - 03/12/25	
Khoa học quản lý		3	25C1ECO50115901	50	HR0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-309	06/10/25 - 01/12/25	
Kinh tế học lao động		3	25C1ECO50102101	50	HR0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-402	06/10/25 - 01/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106702	50	HR0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-402	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-510	26/09/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113802	50	HR0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-312	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502185	50	HR0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Dân số và phát triển		3	25C1ECO50115802	50	HR0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-404	02/10/25 - 04/12/25	
Khoa học quản lý		3	25C1ECO50115902	50	HR0002	3	5	12g45 - 17g05	N2-510	07/10/25 - 02/12/25	
Kinh tế học lao động		3	25C1ECO50102102	50	HR0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-402	07/10/25 - 02/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106703	50	HR0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-402	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	06/09/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C1ECO50113803	50	HR0002	5	5	07g10 - 11g30	N2-404	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	30/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502186	50	HR0002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Dân số và phát triển		3	25C1ECO50115803	60	HRP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-105	07/10/25 - 02/12/25	
Khoa học quản lý		3	25C1ECO50115903	60	HRP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-312	11/10/25 - 06/12/25	
Kinh tế học lao động		3	25C1ECO50102103	60	HRP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-402	11/10/25 - 06/12/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C1ECO50106704	60	HRP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-402	09/08/25 - 04/10/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng (EN)	EN	3	25C1ECO50119202	60	HRP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-411	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	B2-211	11/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502187	60	HRP001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719516	60	HQ0001	2	5	07g45 - 12g05	N2-404	04/08/25 - 29/09/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-107	29/08/25	
Nguyên lý quản lý hải quan		3	25C1CUS50403201	60	HQ0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-404	06/10/25 - 01/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402903	60	HQ0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-402	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021100	60	HQ0001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508419	60	HQ0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-402	08/10/25 - 03/12/25	
Thương mại quốc tế: lý thuyết và chính sách		3	25C1CUS50405901	60	HQ0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-404	06/10/25 - 01/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719517	55	HQP001	3	5	07g45 - 12g05	N2-404	05/08/25 - 30/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-509	13/09/25	
Nguyên lý quản lý hải quan		3	25C1CUS50403202	55	HQP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-404	07/10/25 - 02/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng	EN	3	25C1PUF50405301	55	HQP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-501	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	B2-205	06/09/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021101	55	HQP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504303	55	HQP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-501	02/10/25 - 04/12/25	
Thương mại quốc tế: lý thuyết và chính sách	EN	3	25C1PUF50408401	55	HQP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-509	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản I		3	25C1ACC50713001	55	PF0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-210	09/08/25 - 04/10/25	Đôi ph.học
Luật doanh nghiệp		2	25C1LAW51111501	55	PF0001	7	5	07g10 - 11g30	N2-410	09/08/25 - 13/09/25	
Nguyên lý Thuế		3	25C1TAX50400301	55	PF0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-404	11/10/25 - 06/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402904	55	PF0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-402	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N2-511	21/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021102	55	PF0001	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tài chính Công		3	25C1PUF50400203	55	PF0001	3	5	12g45 - 17g05	N2-402	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719518	40	TA0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-403	06/08/25 - 01/10/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103701	40	TA0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-404	06/08/25 - 01/10/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402905	40	TA0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-408	08/08/25 - 03/10/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608402	40	TA0001	4	5	07g45 - 12g05	N2-403	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021103	40	TA0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508420	40	TA0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-408	10/10/25 - 05/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402906	40	TA0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-411	09/08/25 - 04/10/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608403	40	TA0002	5	5	07g45 - 12g05	N2-409	02/10/25 - 04/12/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508421	40	TA0002	7	5	07g10 - 11g30	N2-411	11/10/25 - 06/12/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C1ACC50719519	60	TA0002,TA P001	5	5	07g45 - 12g05	N2-409	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-509	19/08/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103702	60	TA0002,TA P001	5	5	12g45 - 17g05	N2-404	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-509	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021104	60	TA0002,TA P001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng	EN	3	25C1PUF50405302	30	TAP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-306	04/08/25 - 29/09/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B2-212	20/08/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng	EN	3	25C1BAN50610702	30	TAP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-304	10/10/25 - 05/12/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504309	30	TAP001	2	5	07g10 - 11g30	B2-306	06/10/25 - 01/12/25	

[CT TV] NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị chiến lược các tổ chức công		3	25C1PUM51200701	55	CT0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-403	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502181	55	CT0001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tài chính Công		3	25C1PUF50400202	55	CT0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-402	02/10/25 - 04/12/25	
Triết học - phần CN duy vật biện chứng		3	25C1PHI51000701	55	CT0001	5	5	07g45 - 12g05	N2-403	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-509	06/09/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25C1ECO50100201	55	CT0001,A VTS1.K49	5	5	12g45 - 17g05	N2-402	07/08/25 - 25/09/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-411	06/09/25	
Kinh tế vĩ mô		3	25C1ECO50100202	55	01bs	5	5	12g45 - 17g05	N2-207	07/08/25 - 25/09/25	Bổ sung
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	06/09/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯỜNG MẠI KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 1		3	25C1ENG51314001	55	AV0001	3	5	07g10 - 11g30	A210	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	12g45 - 17g05	A401	04/09/25	
Kỹ năng viết nâng cao 1		3	25C1ENG51314201	55	AV0001	5	5	07g10 - 11g30	A210	02/10/25 - 04/12/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 1		3	25C1ENG51314101	55	AV0001	4	5	07g10 - 11g30	A303	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502197	55	AV0001	CN	4	12g45 - 16g15	ONLINE	30/11/25	
Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh		3	25C1ENG51304301	55	AV0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-411	06/10/25 - 01/12/25	Đổi ph.học
Tiếng Việt thực hành		2	25C1ENG51303701	55	AV0001	6	5	07g10 - 11g30	A210	08/08/25 - 12/09/25	
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 1		3	25C1ENG51314002	55	AV0002	4	5	07g10 - 11g30	A211	06/08/25 - 01/10/25	
Kỹ năng viết nâng cao 1		3	25C1ENG51314202	55	AV0002	6	5	07g10 - 11g30	A210	10/10/25 - 05/12/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 1		3	25C1ENG51314102	55	AV0002	5	5	07g10 - 11g30	A210	07/08/25 - 25/09/25	
						3	5	12g45 - 17g05	A401	26/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502198	55	AV0002	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh		3	25C1ENG51304302	55	AV0002	3	5	07g10 - 11g30	N2-308	07/10/25 - 02/12/25	Đổi ph.học
Tiếng Việt thực hành		2	25C1ENG51303702	55	AV0002	2	5	07g10 - 11g30	A303	04/08/25 - 15/09/25	
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 1		3	25C1ENG51314003	55	AV0003	3	5	12g45 - 17g05	A303	05/08/25 - 30/09/25	
						5	5	07g10 - 11g30	A401	04/09/25	
Kỹ năng viết nâng cao 1		3	25C1ENG51314203	55	AV0003	5	5	12g45 - 17g05	A210	02/10/25 - 04/12/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 1		3	25C1ENG51314103	55	AV0003	4	5	12g45 - 17g05	A210	06/08/25 - 01/10/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502199	55	AV0003	CN	4	07g10 - 10g40	ONLINE	30/11/25	
Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh		3	25C1ENG51304303	55	AV0003	2	5	12g45 - 17g05	N2-411	06/10/25 - 01/12/25	Đổi ph.học
Tiếng Việt thực hành		2	25C1ENG51303703	55	AV0003	6	5	12g45 - 17g05	A210	08/08/25 - 12/09/25	

LỊCH HỌC HP CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002513	95	K50.CNXH KH.001	4	5	07g45 - 12g05	N2-205	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002514	95	K50.CNXH KH.002	4	5	12g45 - 17g05	N2-205	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002515	95	K50.CNXH KH.003	6	5	07g45 - 12g05	N2-205	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002516	95	K50.CNXH KH.004	6	5	12g45 - 17g05	N2-205	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002517	95	K50.CNXH KH.005	7	5	07g45 - 12g05	N2-205	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002518	95	K50.CNXH KH.006	7	5	12g45 - 17g05	N2-205	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002519	95	K50.CNXH KH.007	4	5	07g45 - 12g05	N2-305	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002520	95	K50.CNXH KH.008	4	5	12g45 - 17g05	N2-305	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002521	95	K50.CNXH KH.009	6	5	07g45 - 12g05	N2-305	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002522	95	K50.CNXH KH.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-305	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002523	95	K50.CNXH KH.011	7	5	07g45 - 12g05	N2-305	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002524	95	K50.CNXH KH.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-305	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002525	95	K50.CNXH KH.013	4	5	07g45 - 12g05	N2-407	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002526	95	K50.CNXH KH.014	4	5	12g45 - 17g05	N2-407	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002527	95	K50.CNXH KH.015	6	5	07g45 - 12g05	N2-407	31/10/25 - 05/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002528	95	K50.CNXH KH.016	6	5	12g45 - 17g05	N2-407	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002529	95	K50.CNXH KH.017	7	5	07g45 - 12g05	N2-407	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002530	95	K50.CNXH KH.018	7	5	12g45 - 17g05	N2-407	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002531	95	K50.CNXH KH.019	4	5	07g45 - 12g05	N2-505	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002532	95	K50.CNXH KH.020	4	5	12g45 - 17g05	N2-505	29/10/25 - 03/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002533	95	K50.CNXH KH.021	6	5	07g45 - 12g05	N2-505	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002534	95	K50.CNXH KH.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-505	31/10/25 - 05/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002535	95	K50.CNXH KH.023	7	5	07g45 - 12g05	N2-505	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002536	95	K50.CNXH KH.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-505	01/11/25 - 06/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002537	95	K50.CNXH KH.025	3	5	07g45 - 12g05	N2-205	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-205	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002538	95	K50.CNXH KH.026	3	5	12g45 - 17g05	N2-205	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-205	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002539	95	K50.CNXH KH.027	3	5	07g45 - 12g05	N2-305	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-305	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002540	95	K50.CNXH KH.028	3	5	12g45 - 17g05	N2-305	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-305	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002541	95	K50.CNXH KH.029	3	5	07g45 - 12g05	N2-405	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-405	04/12/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002542	95	K50.CNXH KH.030	3	5	12g45 - 17g05	N2-405	04/11/25 - 02/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-405	04/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002543	95	K50.CNXH KH.031	2	5	07g45 - 12g05	N2-205	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-407	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002544	95	K50.CNXH KH.032	2	5	12g45 - 17g05	N2-205	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-407	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002545	95	K50.CNXH KH.033	2	5	07g45 - 12g05	N2-305	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-505	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002546	95	K50.CNXH KH.034	2	5	12g45 - 17g05	N2-305	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-505	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002547	95	K50.CNXH KH.035	2	5	07g45 - 12g05	N2-405	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-507	27/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C1POL51002548	95	K50.CNXH KH.036	2	5	12g45 - 17g05	N2-405	03/11/25 - 01/12/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-507	27/11/25	

LỊCH HỌC HP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122001	95	K50.PTBV. 001	2	5	07g10 - 11g30	N2-305	04/08/25 - 15/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122002	95	K50.PTBV. 002	2	5	12g45 - 17g05	N2-305	04/08/25 - 15/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122003	95	K50.PTBV. 003	3	5	07g10 - 11g30	N2-305	05/08/25 - 16/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122004	95	K50.PTBV. 004	3	5	12g45 - 17g05	N2-305	05/08/25 - 16/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122005	95	K50.PTBV. 005	4	5	07g10 - 11g30	N2-305	06/08/25 - 10/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122006	95	K50.PTBV. 006	4	5	12g45 - 17g05	N2-305	06/08/25 - 10/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122007	95	K50.PTBV. 007	5	5	07g10 - 11g30	N2-305	07/08/25 - 11/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122008	95	K50.PTBV. 008	5	5	12g45 - 17g05	N2-305	07/08/25 - 11/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122009	95	K50.PTBV. 009	6	5	07g10 - 11g30	N2-305	08/08/25 - 12/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122010	95	K50.PTBV. 010	6	5	12g45 - 17g05	N2-305	08/08/25 - 12/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122011	95	K50.PTBV. 011	7	5	07g10 - 11g30	N2-305	09/08/25 - 13/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122012	95	K50.PTBV. 012	7	5	12g45 - 17g05	N2-305	09/08/25 - 13/09/25	Hủy
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122013	95	K50.PTBV. 013	2	5	07g10 - 11g30	N2-505	04/08/25 - 15/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122014	95	K50.PTBV. 014	2	5	12g45 - 17g05	N2-505	04/08/25 - 15/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122015	95	K50.PTBV. 015	3	5	07g10 - 11g30	N2-505	05/08/25 - 16/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122016	95	K50.PTBV. 016	3	5	12g45 - 17g05	N2-505	05/08/25 - 16/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122017	95	K50.PTBV. 017	4	5	07g10 - 11g30	N2-505	06/08/25 - 10/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122018	95	K50.PTBV. 018	4	5	12g45 - 17g05	N2-505	06/08/25 - 10/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122019	95	K50.PTBV. 019	5	5	07g10 - 11g30	N2-505	07/08/25 - 11/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122020	95	K50.PTBV. 020	5	5	12g45 - 17g05	N2-505	07/08/25 - 11/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122021	95	K50.PTBV. 021	6	5	07g10 - 11g30	N2-505	08/08/25 - 12/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122022	95	K50.PTBV. 022	6	5	12g45 - 17g05	N2-505	08/08/25 - 12/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122023	95	K50.PTBV. 023	7	5	07g10 - 11g30	N2-505	09/08/25 - 13/09/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122024	95	K50.PTBV. 024	7	5	12g45 - 17g05	N2-505	09/08/25 - 13/09/25	Hủy
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122025	95	K50.PTBV. 025	2	5	07g10 - 11g30	N2-505	22/09/25 - 27/10/25	Hủy
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122026	95	K50.PTBV. 026	2	5	12g45 - 17g05	N2-505	22/09/25 - 27/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122027	95	K50.PTBV. 027	3	5	07g10 - 11g30	N2-505	23/09/25 - 28/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122028	95	K50.PTBV. 028	3	5	12g45 - 17g05	N2-505	23/09/25 - 28/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122029	95	K50.PTBV. 029	4	5	07g10 - 11g30	N2-505	17/09/25 - 22/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122030	95	K50.PTBV. 030	4	5	12g45 - 17g05	N2-505	17/09/25 - 22/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122031	95	K50.PTBV. 031	5	5	07g10 - 11g30	N2-505	18/09/25 - 23/10/25	Hủy
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122032	95	K50.PTBV. 032	5	5	12g45 - 17g05	N2-505	18/09/25 - 23/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122033	95	K50.PTBV. 033	6	5	07g10 - 11g30	N2-505	19/09/25 - 24/10/25	Hủy
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122034	95	K50.PTBV. 034	6	5	12g45 - 17g05	N2-505	19/09/25 - 24/10/25	
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122035	95	K50.PTBV. 035	7	5	07g10 - 11g30	N2-505	20/09/25 - 25/10/25	Hủy
Phát triển bền vững		2	25C1ECO50122036	95	K50.PTBV. 036	7	5	12g45 - 17g05	N2-505	20/09/25 - 25/10/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH DOANH (HP2)_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319833	44	K50.TACO B2.001	2	5	07g10 - 11g30	N1-505	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319834	44	K50.TACO B2.002	2	5	12g45 - 17g05	N1-505	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319835	44	K50.TACO B2.003	3	5	07g10 - 11g30	N1-505	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319836	44	K50.TACO B2.004	3	5	12g45 - 17g05	N1-505	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319837	44	K50.TACO B2.005	4	5	07g10 - 11g30	N1-505	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319838	44	K50.TACO B2.006	4	5	12g45 - 17g05	N1-505	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319839	44	K50.TACO B2.007	5	5	07g10 - 11g30	N1-505	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319840	44	K50.TACO B2.008	5	5	12g45 - 17g05	N1-505	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319841	44	K50.TACO B2.009	6	5	07g10 - 11g30	N1-505	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319842	44	K50.TACO B2.010	6	5	12g45 - 17g05	N1-505	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319843	44	K50.TACO B2.011	7	5	07g10 - 11g30	N1-505	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319844	44	K50.TACO B2.012	7	5	12g45 - 17g05	N1-505	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319845	44	K50.TACO B2.013	2	5	07g10 - 11g30	N1-606	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319846	44	K50.TACO B2.014	2	5	12g45 - 17g05	N1-606	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319847	44	K50.TACO B2.015	3	5	07g10 - 11g30	N1-606	05/08/25 - 07/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319848	44	K50.TACO B2.016	3	5	12g45 - 17g05	N1-606	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319849	44	K50.TACO B2.017	4	5	07g10 - 11g30	N1-606	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319850	44	K50.TACO B2.018	4	5	12g45 - 17g05	N1-606	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319851	44	K50.TACO B2.019	5	5	07g10 - 11g30	N1-606	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319852	44	K50.TACO B2.020	5	5	12g45 - 17g05	N1-606	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319853	44	K50.TACO B2.021	6	5	07g10 - 11g30	N1-606	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319854	44	K50.TACO B2.022	6	5	12g45 - 17g05	N1-606	08/08/25 - 03/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319855	44	K50.TACO B2.023	7	5	07g10 - 11g30	N1-606	09/08/25 - 04/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319856	44	K50.TACO B2.024	7	5	12g45 - 17g05	N1-606	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319857	44	K50.TACO B2.025	2	5	07g10 - 11g30	N1-705	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319858	44	K50.TACO B2.026	2	5	12g45 - 17g05	N1-705	04/08/25 - 06/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319859	44	K50.TACO B2.027	3	5	07g10 - 11g30	N1-705	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319860	44	K50.TACO B2.028	3	5	12g45 - 17g05	N1-705	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319861	44	K50.TACO B2.029	4	5	07g10 - 11g30	N1-705	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319862	44	K50.TACO B2.030	4	5	12g45 - 17g05	N1-705	06/08/25 - 01/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319863	44	K50.TACO B2.031	5	5	07g10 - 11g30	N1-705	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319864	44	K50.TACO B2.032	5	5	12g45 - 17g05	N1-705	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319865	44	K50.TACO B2.033	6	5	07g10 - 11g30	N1-705	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319866	44	K50.TACO B2.034	6	5	12g45 - 17g05	N1-705	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319867	44	K50.TACO B2.035	7	5	07g10 - 11g30	N1-705	09/08/25 - 04/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319868	44	K50.TACO B2.036	7	5	12g45 - 17g05	N1-705	09/08/25 - 04/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319869	44	K50.TACO B2.037	2	5	07g10 - 11g30	N1-706	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319870	44	K50.TACO B2.038	2	5	12g45 - 17g05	N1-706	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319871	44	K50.TACO B2.039	3	5	07g10 - 11g30	N1-706	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319872	44	K50.TACO B2.040	3	5	12g45 - 17g05	N1-706	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319873	44	K50.TACO B2.041	4	5	07g10 - 11g30	N1-706	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319874	44	K50.TACO B2.042	4	5	12g45 - 17g05	N1-706	06/08/25 - 01/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319875	44	K50.TACO B2.043	5	5	07g10 - 11g30	N1-706	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319876	44	K50.TACO B2.044	5	5	12g45 - 17g05	N1-707	07/08/25 - 02/10/25	Đổi ph.học

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319877	44	K50.TACO B2.045	6	5	07g10 - 11g30	N1-706	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319878	44	K50.TACO B2.046	6	5	12g45 - 17g05	N1-706	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319879	44	K50.TACO B2.047	7	5	07g10 - 11g30	N1-706	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319880	44	K50.TACO B2.048	7	5	12g45 - 17g05	N1-706	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319881	44	K50.TACO B2.049	2	5	07g10 - 11g30	N2-108	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319882	44	K50.TACO B2.050	2	5	12g45 - 17g05	N2-108	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319883	44	K50.TACO B2.051	3	5	07g10 - 11g30	N2-108	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319884	44	K50.TACO B2.052	3	5	12g45 - 17g05	N2-108	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319885	44	K50.TACO B2.053	4	5	07g10 - 11g30	N2-108	06/08/25 - 01/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319886	44	K50.TACO B2.054	4	5	12g45 - 17g05	N2-108	06/08/25 - 01/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319887	44	K50.TACO B2.055	5	5	07g10 - 11g30	N2-108	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319888	44	K50.TACO B2.056	5	5	12g45 - 17g05	N2-108	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319889	44	K50.TACO B2.057	6	5	07g10 - 11g30	N2-108	08/08/25 - 03/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319890	44	K50.TACO B2.058	6	5	12g45 - 17g05	N2-108	08/08/25 - 03/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319891	44	K50.TACO B2.059	7	5	07g10 - 11g30	N2-108	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319892	44	K50.TACO B2.060	7	5	12g45 - 17g05	N2-108	09/08/25 - 04/10/25	Hủy

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319893	44	K50.TACO B2.061	2	5	07g10 - 11g30	N2-206	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319894	44	K50.TACO B2.062	2	5	12g45 - 17g05	N2-206	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319895	44	K50.TACO B2.063	3	5	07g10 - 11g30	N2-206	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319896	44	K50.TACO B2.064	3	5	12g45 - 17g05	N2-206	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319897	44	K50.TACO B2.065	4	5	07g10 - 11g30	N2-206	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319898	44	K50.TACO B2.066	4	5	12g45 - 17g05	N2-206	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319899	44	K50.TACO B2.067	5	5	07g10 - 11g30	N2-206	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198100	44	K50.TACO B2.068	5	5	12g45 - 17g05	N2-206	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198101	44	K50.TACO B2.069	6	5	07g10 - 11g30	N2-206	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198102	44	K50.TACO B2.070	6	5	12g45 - 17g05	N2-206	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198103	44	K50.TACO B2.071	7	5	07g10 - 11g30	N2-206	09/08/25 - 04/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198104	44	K50.TACO B2.072	7	5	12g45 - 17g05	N2-206	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198105	44	K50.TACO B2.073	2	5	12g45 - 17g05	N2-103	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198106	44	K50.TACO B2.074	3	5	07g10 - 11g30	N2-103	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198107	44	K50.TACO B2.075	4	5	12g45 - 17g05	N2-103	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198108	44	K50.TACO B2.076	5	5	07g10 - 11g30	N2-103	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198109	44	K50.TACO B2.077	6	5	12g45 - 17g05	N2-103	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG513198110	44	K50.TACO B2.078	7	5	07g10 - 11g30	N2-103	09/08/25 - 04/10/25	

LỊCH HỌC HP KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002404	95	K50.KTCT. 001	2	5	07g45 - 12g05	N2-507	04/08/25 - 15/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002405	95	K50.KTCT. 002	2	5	12g45 - 17g05	N2-507	04/08/25 - 15/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002406	95	K50.KTCT. 003	3	5	07g45 - 12g05	N2-507	05/08/25 - 16/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002407	95	K50.KTCT. 004	3	5	12g45 - 17g05	N2-507	05/08/25 - 16/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002408	95	K50.KTCT. 005	4	5	07g45 - 12g05	N2-507	06/08/25 - 10/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002409	95	K50.KTCT. 006	4	5	12g45 - 17g05	N2-507	06/08/25 - 10/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002410	95	K50.KTCT. 007	5	5	07g45 - 12g05	N2-507	07/08/25 - 11/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002411	95	K50.KTCT. 008	5	5	12g45 - 17g05	N2-507	07/08/25 - 11/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002412	95	K50.KTCT. 009	6	5	07g45 - 12g05	N2-507	08/08/25 - 12/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002413	95	K50.KTCT. 010	6	5	12g45 - 17g05	N2-507	08/08/25 - 12/09/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002414	95	K50.KTCT. 011	7	5	07g45 - 12g05	N2-507	09/08/25 - 13/09/25	Hủy
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002415	95	K50.KTCT. 012	7	5	12g45 - 17g05	N2-507	09/08/25 - 13/09/25	Hủy
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002416	95	K50.KTCT. 013	2	5	07g45 - 12g05	N2-507	22/09/25 - 27/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002417	95	K50.KTCT. 014	2	5	12g45 - 17g05	N2-507	22/09/25 - 27/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002418	95	K50.KTCT. 015	3	5	07g45 - 12g05	N2-507	23/09/25 - 28/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002419	95	K50.KTCT. 016	3	5	12g45 - 17g05	N2-507	23/09/25 - 28/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002420	95	K50.KTCT. 017	4	5	07g45 - 12g05	N2-507	17/09/25 - 22/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002421	95	K50.KTCT. 018	4	5	12g45 - 17g05	N2-507	17/09/25 - 22/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002422	95	K50.KTCT. 019	5	5	07g45 - 12g05	N2-507	18/09/25 - 23/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002423	95	K50.KTCT. 020	5	5	12g45 - 17g05	N2-507	18/09/25 - 23/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002424	95	K50.KTCT. 021	6	5	07g45 - 12g05	N2-507	19/09/25 - 24/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002425	95	K50.KTCT. 022	6	5	12g45 - 17g05	N2-507	19/09/25 - 24/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002426	95	K50.KTCT. 023	7	5	07g45 - 12g05	N2-507	20/09/25 - 25/10/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C1POL51002427	95	K50.KTCT. 024	7	5	12g45 - 17g05	N2-507	20/09/25 - 25/10/25	

LỊCH HỌC HP NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326402	44	K50.NMTL H.001	2	5	07g10 - 11g30	N1-505	27/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326403	44	K50.NMTL H.002	2	5	12g45 - 17g05	N1-505	27/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326404	44	K50.NMTL H.003	3	5	07g10 - 11g30	N1-505	28/10/25 - 02/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326405	44	K50.NMTL H.004	3	5	12g45 - 17g05	N1-505	28/10/25 - 02/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326406	44	K50.NMTL H.005	4	5	07g10 - 11g30	N1-505	29/10/25 - 03/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326407	44	K50.NMTL H.006	4	5	12g45 - 17g05	N1-505	29/10/25 - 03/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326408	44	K50.NMTL H.007	5	5	07g10 - 11g30	N1-505	23/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326409	44	K50.NMTL H.008	5	5	12g45 - 17g05	N1-505	23/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326410	44	K50.NMTL H.009	6	5	07g10 - 11g30	N1-505	31/10/25 - 05/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326411	44	K50.NMTL H.010	6	5	12g45 - 17g05	N1-505	31/10/25 - 05/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326412	44	K50.NMTL H.011	7	5	07g10 - 11g30	N1-505	01/11/25 - 06/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326413	44	K50.NMTL H.012	7	5	12g45 - 17g05	N1-505	01/11/25 - 06/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326414	44	K50.NMTL H.013	2	5	07g10 - 11g30	N1-706	27/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326415	44	K50.NMTL H.014	2	5	12g45 - 17g05	N1-706	27/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326416	44	K50.NMTL H.015	3	5	07g10 - 11g30	N1-706	28/10/25 - 02/12/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326417	44	K50.NMTL H.016	3	5	12g45 - 17g05	N1-706	28/10/25 - 02/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326418	44	K50.NMTL H.017	4	5	07g10 - 11g30	N1-706	29/10/25 - 03/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326419	44	K50.NMTL H.018	4	5	12g45 - 17g05	N1-706	29/10/25 - 03/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326420	44	K50.NMTL H.019	5	5	07g10 - 11g30	N1-706	23/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326421	44	K50.NMTL H.020	5	5	12g45 - 17g05	N1-706	23/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326422	44	K50.NMTL H.021	6	5	07g10 - 11g30	N1-706	31/10/25 - 05/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326423	44	K50.NMTL H.022	6	5	12g45 - 17g05	N1-706	31/10/25 - 05/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326424	44	K50.NMTL H.023	7	5	07g10 - 11g30	N1-706	01/11/25 - 06/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326425	44	K50.NMTL H.024	7	5	12g45 - 17g05	N1-706	01/11/25 - 06/12/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ, TRUYỀN THÔNG VÀ THIẾT KẾ (HP2)_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320001	44	K50.TACT D2.001	2	5	07g10 - 11g30	N2-313	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320002	44	K50.TACT D2.002	2	5	12g45 - 17g05	N2-313	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320003	44	K50.TACT D2.003	3	5	07g10 - 11g30	N2-313	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320004	44	K50.TACT D2.004	3	5	12g45 - 17g05	N2-313	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320005	44	K50.TACT D2.005	4	5	07g10 - 11g30	N2-313	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320006	44	K50.TACT D2.006	4	5	12g45 - 17g05	N2-313	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320007	44	K50.TACT D2.007	5	5	07g10 - 11g30	N2-313	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320008	44	K50.TACT D2.008	5	5	12g45 - 17g05	N2-313	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320009	44	K50.TACT D2.009	6	5	07g10 - 11g30	N2-313	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320010	44	K50.TACT D2.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-313	08/08/25 - 03/10/25	Hủy

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320011	44	K50.TACT D2.011	7	5	07g10 - 11g30	N2-503	09/08/25 - 04/10/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320012	44	K50.TACT D2.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-313	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320013	44	K50.TACT D2.013	2	5	07g10 - 11g30	N2-406	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320014	44	K50.TACT D2.014	2	5	12g45 - 17g05	N2-406	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320015	44	K50.TACT D2.015	3	5	07g10 - 11g30	N2-406	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320016	44	K50.TACT D2.016	3	5	12g45 - 17g05	N2-406	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320017	44	K50.TACT D2.017	4	5	07g10 - 11g30	N2-406	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320018	44	K50.TACT D2.018	4	5	12g45 - 17g05	N2-406	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320019	44	K50.TACT D2.019	5	5	07g10 - 11g30	N2-406	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320020	44	K50.TACT D2.020	5	5	12g45 - 17g05	N2-406	07/08/25 - 02/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320021	44	K50.TACT D2.021	6	5	07g10 - 11g30	N2-406	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320022	44	K50.TACT D2.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-406	08/08/25 - 03/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320023	44	K50.TACT D2.023	7	5	07g10 - 11g30	N2-406	09/08/25 - 04/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320024	44	K50.TACT D2.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-406	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320025	44	K50.TACT D2.025	2	5	07g10 - 11g30	N2-412	04/08/25 - 06/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320026	44	K50.TACT D2.026	2	5	12g45 - 17g05	N2-412	04/08/25 - 06/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320027	44	K50.TACT D2.027	3	5	07g10 - 11g30	N2-412	05/08/25 - 07/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320028	44	K50.TACT D2.028	3	5	12g45 - 17g05	N2-412	05/08/25 - 07/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320029	44	K50.TACT D2.029	4	5	07g10 - 11g30	N2-412	06/08/25 - 01/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320030	44	K50.TACT D2.030	4	5	12g45 - 17g05	N2-412	06/08/25 - 01/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320031	44	K50.TACT D2.031	5	5	07g10 - 11g30	N2-412	07/08/25 - 02/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320032	44	K50.TACT D2.032	5	5	12g45 - 17g05	N2-412	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320033	44	K50.TACT D2.033	6	5	07g10 - 11g30	N2-412	08/08/25 - 03/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320034	44	K50.TACT D2.034	6	5	12g45 - 17g05	N2-412	08/08/25 - 03/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320035	44	K50.TACT D2.035	7	5	07g10 - 11g30	N2-412	09/08/25 - 04/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C1ENG51320036	44	K50.TACT D2.036	7	5	12g45 - 17g05	N2-412	09/08/25 - 04/10/25	Hủy

LỊCH HỌC HP KHOA HỌC DỮ LIỆU_K50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905913	48	K50.KHDL .001	2	5	07g10 - 11g30	N1-301	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905914	48	K50.KHDL .002	2	5	12g45 - 17g05	N1-301	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905915	48	K50.KHDL .003	2	5	12g45 - 17g05	N1-301	27/10/25 - 01/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905916	48	K50.KHDL .004	2	5	07g10 - 11g30	N1-303	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905917	48	K50.KHDL .005	2	5	12g45 - 17g05	N1-303	04/08/25 - 15/09/25	Hủy
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905918	48	K50.KHDL .006	3	5	12g45 - 17g05	N1-301	05/08/25 - 16/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905919	48	K50.KHDL .007	3	5	07g10 - 11g30	N1-303	05/08/25 - 16/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905920	48	K50.KHDL .008	3	5	12g45 - 17g05	N1-303	05/08/25 - 16/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905921	48	K50.KHDL .009	3	5	12g45 - 17g05	N1-303	28/10/25 - 02/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905922	48	K50.KHDL .010	4	5	07g10 - 11g30	N1-303	06/08/25 - 10/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905923	48	K50.KHDL .011	4	5	07g10 - 11g30	N1-303	17/09/25 - 22/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905924	48	K50.KHDL .012	4	5	12g45 - 17g05	N1-303	06/08/25 - 10/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905925	48	K50.KHDL .013	4	5	12g45 - 17g05	N1-303	17/09/25 - 22/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905926	48	K50.KHDL .014	5	5	07g10 - 11g30	N1-303	07/08/25 - 11/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905927	48	K50.KHDL .015	5	5	12g45 - 17g05	N1-303	07/08/25 - 11/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905928	48	K50.KHDL .016	6	5	12g45 - 17g05	N1-303	08/08/25 - 12/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905929	48	K50.KHDL .017	6	5	07g10 - 11g30	N1-306	08/08/25 - 12/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905930	48	K50.KHDL .018	6	5	07g10 - 11g30	N1-306	19/09/25 - 24/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905931	48	K50.KHDL .019	6	5	07g10 - 11g30	N1-306	31/10/25 - 05/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905932	48	K50.KHDL .020	6	5	12g45 - 17g05	N1-306	08/08/25 - 12/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905933	48	K50.KHDL .021	6	5	12g45 - 17g05	N1-306	19/09/25 - 24/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905934	48	K50.KHDL .022	6	5	12g45 - 17g05	N1-306	31/10/25 - 05/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905935	48	K50.KHDL .023	2	5	07g10 - 11g30	N1-306	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905936	48	K50.KHDL .024	2	5	07g10 - 11g30	N1-306	27/10/25 - 01/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905937	48	K50.KHDL .025	2	5	12g45 - 17g05	N1-306	04/08/25 - 15/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905938	48	K50.KHDL .026	2	5	12g45 - 17g05	N1-306	27/10/25 - 01/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905939	48	K50.KHDL .027	3	5	12g45 - 17g05	N1-306	05/08/25 - 16/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905940	48	K50.KHDL .028	3	5	12g45 - 17g05	N1-306	28/10/25 - 02/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905941	48	K50.KHDL .029	4	5	07g10 - 11g30	N1-306	06/08/25 - 10/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905942	48	K50.KHDL .030	4	5	07g10 - 11g30	N1-306	17/09/25 - 22/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905943	48	K50.KHDL .031	4	5	07g10 - 11g30	N1-306	29/10/25 - 03/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905944	48	K50.KHDL .032	4	5	12g45 - 17g05	N1-306	06/08/25 - 10/09/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905945	48	K50.KHDL .033	4	5	12g45 - 17g05	N1-306	17/09/25 - 22/10/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905946	48	K50.KHDL .034	4	5	12g45 - 17g05	N1-306	29/10/25 - 03/12/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C1INF50905947	48	K50.KHDL .035	6	5	12g45 - 17g05	N1-303	19/09/25 - 24/10/25	

LỊCH HỌC HP TƯ DUY THIẾT KẾ_KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005901	50	K50.TDTK. 001	2	5	07g10 - 11g30	N1-607	04/08/25 - 15/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005902	50	K50.TDTK. 002	2	5	12g45 - 17g05	N1-607	04/08/25 - 15/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005903	50	K50.TDTK. 003	3	5	07g10 - 11g30	N1-607	05/08/25 - 16/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005904	50	K50.TDTK. 004	3	5	12g45 - 17g05	N1-607	05/08/25 - 16/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005905	50	K50.TDTK. 005	4	5	07g10 - 11g30	N1-607	06/08/25 - 10/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005906	50	K50.TDTK. 006	4	5	12g45 - 17g05	N1-607	06/08/25 - 10/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005907	50	K50.TDTK. 007	5	5	07g10 - 11g30	N1-607	07/08/25 - 11/09/25	Hủy
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005908	50	K50.TDTK. 008	5	5	12g45 - 17g05	N1-607	07/08/25 - 11/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005909	50	K50.TDTK. 009	6	5	07g10 - 11g30	N1-607	08/08/25 - 12/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005910	50	K50.TDTK. 010	6	5	12g45 - 17g05	N1-607	08/08/25 - 12/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005911	50	K50.TDTK. 011	7	5	07g10 - 11g30	N1-607	09/08/25 - 13/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005912	50	K50.TDTK. 012	7	5	12g45 - 17g05	N1-607	09/08/25 - 13/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005913	50	K50.TDTK. 013	2	5	07g10 - 11g30	N1-607	22/09/25 - 27/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005914	50	K50.TDTK. 014	2	5	12g45 - 17g05	N1-607	22/09/25 - 27/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005915	50	K50.TDTK. 015	3	5	07g10 - 11g30	N1-607	23/09/25 - 28/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005916	50	K50.TDTK. 016	3	5	12g45 - 17g05	N1-607	23/09/25 - 28/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005917	50	K50.TDTK. 017	4	5	07g10 - 11g30	N1-607	17/09/25 - 22/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005918	50	K50.TDTK. 018	4	5	12g45 - 17g05	N1-607	17/09/25 - 22/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005919	50	K50.TDTK. 019	5	5	07g10 - 11g30	N1-607	18/09/25 - 23/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005920	50	K50.TDTK. 020	5	5	12g45 - 17g05	N1-607	18/09/25 - 23/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005921	50	K50.TDTK. 021	6	5	07g10 - 11g30	N1-607	19/09/25 - 24/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005922	50	K50.TDTK. 022	6	5	12g45 - 17g05	N1-607	19/09/25 - 24/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005923	50	K50.TDTK. 023	7	5	07g10 - 11g30	N1-607	20/09/25 - 25/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005924	50	K50.TDTK. 024	7	5	12g45 - 17g05	N1-607	20/09/25 - 25/10/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005925	50	K50.TDTK. 025	2	5	07g10 - 11g30	N1-701	04/08/25 - 15/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005926	50	K50.TDTK. 026	2	5	12g45 - 17g05	N1-701	04/08/25 - 15/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005927	50	K50.TDTK. 027	3	5	07g10 - 11g30	N1-701	05/08/25 - 16/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005928	50	K50.TDTK. 028	3	5	12g45 - 17g05	N1-701	05/08/25 - 16/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005929	50	K50.TDTK. 029	4	5	07g10 - 11g30	N1-701	06/08/25 - 10/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005930	50	K50.TDTK. 030	4	5	12g45 - 17g05	N1-701	06/08/25 - 10/09/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005931	50	K50.TDTK. 031	5	5	07g10 - 11g30	N1-701	07/08/25 - 11/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005932	50	K50.TDTK. 032	5	5	12g45 - 17g05	N1-701	07/08/25 - 11/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005933	50	K50.TDTK. 033	6	5	07g10 - 11g30	N1-701	08/08/25 - 12/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005934	50	K50.TDTK. 034	6	5	12g45 - 17g05	N1-701	08/08/25 - 12/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005935	50	K50.TDTK. 035	7	5	07g10 - 11g30	N1-701	09/08/25 - 13/09/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005936	50	K50.TDTK. 036	7	5	12g45 - 17g05	N1-701	09/08/25 - 13/09/25	

LỊCH HỌC HP TIẾNG ANH LĨNH VỰC KINH TẾ (HP2)_KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319603	44	K50.TACE LG2.001	2	5	07g10 - 11g30	N2-212	04/08/25 - 06/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319604	44	K50.TACE LG2.002	2	5	12g45 - 17g05	N2-212	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319605	44	K50.TACE LG2.003	3	5	07g10 - 11g30	N2-212	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319606	44	K50.TACE LG2.004	3	5	12g45 - 17g05	N2-212	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319607	44	K50.TACE LG2.005	4	5	07g10 - 11g30	N2-212	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319608	44	K50.TACE LG2.006	4	5	12g45 - 17g05	N2-212	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319609	44	K50.TACE LG2.007	5	5	07g10 - 11g30	N2-501	07/08/25 - 02/10/25	Đổi ph.học
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319610	44	K50.TACE LG2.008	5	5	12g45 - 17g05	N2-212	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319611	44	K50.TACE LG2.009	6	5	07g10 - 11g30	N2-212	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319612	44	K50.TACE LG2.010	6	5	12g45 - 17g05	N2-212	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319613	44	K50.TACE LG2.011	7	5	07g10 - 11g30	N2-212	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319614	44	K50.TACE LG2.012	7	5	12g45 - 17g05	N2-212	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319615	44	K50.TACE LG2.013	2	5	07g10 - 11g30	N2-306	04/08/25 - 06/10/25	Hủy
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319616	44	K50.TACE LG2.014	2	5	12g45 - 17g05	N2-306	04/08/25 - 06/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319617	44	K50.TACE LG2.015	3	5	07g10 - 11g30	N2-306	05/08/25 - 07/10/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319618	44	K50.TACE LG2.016	3	5	12g45 - 17g05	N2-306	05/08/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319619	44	K50.TACE LG2.017	4	5	07g10 - 11g30	N2-306	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319620	44	K50.TACE LG2.018	4	5	12g45 - 17g05	N2-306	06/08/25 - 01/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319621	44	K50.TACE LG2.019	5	5	07g10 - 11g30	N2-306	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319622	44	K50.TACE LG2.020	5	5	12g45 - 17g05	N2-306	07/08/25 - 02/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319623	44	K50.TACE LG2.021	6	5	07g10 - 11g30	N2-306	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319624	44	K50.TACE LG2.022	6	5	12g45 - 17g05	N2-306	08/08/25 - 03/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319625	44	K50.TACE LG2.023	7	5	07g10 - 11g30	N2-306	09/08/25 - 04/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319626	44	K50.TACE LG2.024	7	5	12g45 - 17g05	N2-306	09/08/25 - 04/10/25	

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 3) (CHÍNH THỨC)
(DÀNH CHO SINH VIÊN HỌC GDQPAN ĐỢT 3 [03/09/2025 – 26/09/2025])

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Học GDQPAN Đợt 3	03/09/2025 – 26/09/2025	
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	
GD B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh	
GD B2...	Cơ sở B – Khu B2		
GD C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh	
GD E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh	
GD H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	
GD V...	Cơ sở VTS (Viện ĐMST)	232/6 Võ Thị Sáu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	
GD N1...	Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Hiệu bộ	Đường Nguyễn Văn Linh, Khu chức năng số 15, Đô thị mới Nam Thành phố, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh	
GD N2...	Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Giảng đường		

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 3**TRƯỜNG KINH DOANH**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
1	KINH DOANH SỐ	DB0001	DBP001	
2	QUẢN TRỊ KINH DOANH			ADF001, ADF002, ADF003, ADF004
3	QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN	QB0001	QBP001	
4	NGÂN HÀNG	NH0001, NH0002, NH0003	NHP001, NHP002	NHF001
5	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	TT0001	TTP001	

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ_ Học GDQPAN Đợt 3**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
6	LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ	LQ0001	LQP001	
7	LUẬT KINH TẾ	EL0001, EL0002	ELP001, ELP002	
8	QUẢN LÝ CÔNG	PM0001	PMP001	

LỊCH HỌC GDQPAN KHÓA 50 ĐHCQ_ĐỢT 3

MÃ LỚP HP	THỜI GIAN HỌC	LỚP SV
25C1SDE59900101	03/09/2025 – 26/09/2025	Như bảng trên

[CT TV] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 50 ĐHCQ + **[CT TA BP]** NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309513	48	[GDQP3]_ DB0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-208	04/08/25 - 25/08/25	Đôi ph.học
						4	5	12g45 - 17g05	N2-208	06/08/25 - 13/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201214	48	[GDQP3]_ DB0001	2	5	07g10 - 11g30	N2-409	06/10/25 - 01/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3	25C1MAN50212301	48	[GDQP3]_ DB0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-409	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chiến lược trong môi trường số		3	25C1MAN50218001	48	[GDQP3]_ DB0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-403	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021136	48	[GDQP3]_ DB0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319828	48	[GDQP3]_ DB0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-404	10/10/25 - 05/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005944	50	[GDQP3]_ DB0001	6	5	07g10 - 11g30	N2-508	08/08/25 - 29/08/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N2-509	20/08/25 - 27/08/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309514	30	[GDQP3]_ DBP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-506	05/08/25 - 26/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-512	07/08/25 - 14/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C1MAN50201215	30	[GDQP3]_ DBP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-103	11/10/25 - 06/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214905	30	[GDQP3]_ DBP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-205	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị chiến lược trong môi trường số	EN	3	25C1MAN50220501	30	[GDQP3]_ DBP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-205	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021137	30	[GDQP3]_ DBP001	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319829	30	[GDQP3]_ DBP001	7	5	12g45 - 17g05	N2-206	11/10/25 - 06/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005945	30	[GDQP3]_ DBP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-512	09/08/25 - 30/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N2-512	21/08/25 - 28/08/25	

[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307304	50	[GDQP3]_ ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-702	04/08/25 - 25/08/25	Đổi ph.học
						4	5	12g45 - 17g05	B1-703	06/08/25 - 13/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị	EN	3	25C1MAN50209701	50	[GDQP3]_ ADF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-707	06/10/25 - 01/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214901	50	[GDQP3]_ ADF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-706	06/10/25 - 01/12/25	
Quản trị chiến lược	EN	3	25C1MAN50209601	50	[GDQP3]_ ADF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-508	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502177	50	[GDQP3]_ ADF001	4	4	12g45 - 16g15	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319812	50	[GDQP3]_ ADF001	6	5	12g45 - 17g05	B1-708	10/10/25 - 05/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006216	50	[GDQP3]_ ADF001	6	5	07g10 - 11g30	B1-803	08/08/25 - 29/08/25	
						4	5	12g45 - 17g05	B1-408	20/08/25 - 27/08/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307305	50	[GDQP3]_ ADF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-407	05/08/25 - 26/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-407	07/08/25 - 14/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị	EN	3	25C1MAN50209702	50	[GDQP3]_ ADF002	3	5	07g10 - 11g30	B1-508	07/10/25 - 02/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214902	50	[GDQP3]_ ADF002	3	5	12g45 - 17g05	B1-509	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị chiến lược	EN	3	25C1MAN50209602	50	[GDQP3]_ ADF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-507	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502178	50	[GDQP3]_ ADF002	5	4	12g45 - 16g15	ONLINE	27/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319813	50	[GDQP3]_ ADF002	7	5	12g45 - 17g05	B1-507	11/10/25 - 06/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006217	50	[GDQP3]_ ADF002	7	5	07g10 - 11g30	B1-407	09/08/25 - 30/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	B1-407	21/08/25 - 28/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307306	50	[GDQP3]_ ADF003	5	5	12g45 - 17g05	B1-408	07/08/25 - 28/08/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-408	09/08/25 - 16/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị	EN	3	25C1MAN50209703	50	[GDQP3]_ ADF003	5	5	12g45 - 17g05	B1-507	02/10/25 - 04/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214903	50	[GDQP3]_ ADF003	5	5	07g10 - 11g30	B1-808	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị chiến lược	EN	3	25C1MAN50209603	50	[GDQP3]_ ADF003	3	5	12g45 - 17g05	B1-707	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502179	50	[GDQP3]_ ADF003	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319814	50	[GDQP3]_ ADF003	3	5	07g10 - 11g30	B1-507	07/10/25 - 02/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006218	50	[GDQP3]_ ADF003	3	5	12g45 - 17g05	B1-708	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	07g10 - 11g30	B1-408	23/08/25 - 30/08/25	
Kỹ năng mềm	EN	2	25C1BUS50307307	50	[GDQP3]_ ADF004	2	5	07g10 - 11g30	B1-408	04/08/25 - 11/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	B1-509	08/08/25 - 29/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị	EN	3	25C1MAN50209704	50	[GDQP3]_ ADF004	6	5	07g10 - 11g30	B1-706	10/10/25 - 05/12/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	EN	3	25C1MAN50214904	50	[GDQP3]_ ADF004	6	5	12g45 - 17g05	B1-706	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị chiến lược	EN	3	25C1MAN50209604	50	[GDQP3]_ ADF004	4	5	12g45 - 17g05	B1-509	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM53502180	50	[GDQP3]_ ADF004	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319815	50	[GDQP3]_ ADF004	4	5	07g10 - 11g30	B1-801	08/10/25 - 03/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006219	50	[GDQP3]_ ADF004	4	5	12g45 - 17g05	B1-409	06/08/25 - 27/08/25	
						2	5	07g10 - 11g30	B1-408	18/08/25 - 25/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dịch tễ học		3	25C1MAN50206901	69	[GDQP3]_ QB0001	4	5	07g10 - 11g30	B2-402	08/10/25 - 03/12/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309515	69	[GDQP3]_ QB0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-407	04/08/25 - 25/08/25	Đổi ph.học
						6	5	07g10 - 11g30	N2-407	08/08/25 - 15/08/25	
Quản lý y tế và hệ thống chăm sóc sức khỏe		3	25C1MAN50213401	69	[GDQP3]_ QB0001	2	5	12g45 - 17g05	B1-403	06/10/25 - 01/12/25	Đổi ph.học
Quản trị điều hành bệnh viện		3	25C1MAN50207401	69	[GDQP3]_ QB0001	4	5	12g45 - 17g05	B2-402	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021138	69	[GDQP3]_ QB0001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000455	69	[GDQP3]_ QB0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-106	06/08/25 - 27/08/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-107	22/08/25 - 29/08/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319830	35	[GDQP3]_ QB0001.1	2	5	07g10 - 11g30	B2-305	06/10/25 - 01/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319832	35	[GDQP3]_ QB0001.2	2	5	07g10 - 11g30	B1-508	06/10/25 - 01/12/25	
Dịch tễ học		3	25C1MAN50206902	40	[GDQP3]_ QBP001	5	5	07g10 - 11g30	B2-302	02/10/25 - 04/12/25	
Kỹ năng mềm		2	25C1BUS50309516	40	[GDQP3]_ QBP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-506	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	07g10 - 11g30	N2-508	09/08/25 - 16/08/25	
Quản lý y tế và hệ thống chăm sóc sức khỏe		3	25C1MAN50213402	40	[GDQP3]_ QBP001	3	5	12g45 - 17g05	B2-206	07/10/25 - 02/12/25	
Quản trị điều hành bệnh viện	EN	3	25C1MAN50218701	40	[GDQP3]_ QBP001	5	5	12g45 - 17g05	B2-303	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021139	40	[GDQP3]_ QBP001	7	4	07g10 - 10g40	ONLINE	29/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319831	40	[GDQP3]_ QBP001	3	5	07g10 - 11g30	B2-206	07/10/25 - 02/12/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000456	40	[GDQP3]_ QBP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-510	07/08/25 - 28/08/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-508	23/08/25 - 30/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng thương mại		3	25C1BAN50600603	60	[GDQP3]_ NH0001	7	5	12g45 - 17g05	N2-207	11/10/25 - 06/12/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021128	60	[GDQP3]_ NH0001	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508435	60	[GDQP3]_ NH0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-408	02/10/25 - 04/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608803	60	[GDQP3]_ NH0001	7	5	07g45 - 12g05	N2-401	11/10/25 - 06/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319820	60	[GDQP3]_ NH0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-402	02/10/25 - 04/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005937	60	[GDQP3]_ NH0001	5	5	12g45 - 17g05	N2-105	07/08/25 - 28/08/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N2-508	19/08/25 - 26/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000447	60	[GDQP3]_ NH0001	3	5	07g45 - 12g05	N2-508	05/08/25 - 12/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-411	09/08/25 - 30/08/25	
Ngân hàng thương mại		3	25C1BAN50600604	60	[GDQP3]_ NH0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-208	06/10/25 - 01/12/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021129	60	[GDQP3]_ NH0002	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508436	60	[GDQP3]_ NH0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-403	10/10/25 - 05/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608804	60	[GDQP3]_ NH0002	2	5	07g45 - 12g05	N2-408	06/10/25 - 01/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319821	60	[GDQP3]_ NH0002	6	5	07g10 - 11g30	N2-410	10/10/25 - 05/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005938	55	[GDQP3]_ NH0002	6	5	12g45 - 17g05	N2-509	08/08/25 - 29/08/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N2-509	20/08/25 - 27/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000448	55	[GDQP3]_ NH0002	2	5	12g45 - 17g05	N2-509	04/08/25 - 25/08/25	
						4	5	07g45 - 12g05	N2-509	06/08/25 - 13/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng thương mại		3	25C1BAN50600605	60	[GDQP3]_ NH0003	3	5	12g45 - 17g05	N2-207	07/10/25 - 02/12/25	Đổi ph.học
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021130	60	[GDQP3]_ NH0003	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508437	60	[GDQP3]_ NH0003	7	5	12g45 - 17g05	N2-408	11/10/25 - 06/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608805	60	[GDQP3]_ NH0003	3	5	07g45 - 12g05	N2-408	07/10/25 - 02/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319822	60	[GDQP3]_ NH0003	7	5	07g10 - 11g30	N2-403	11/10/25 - 06/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005939	55	[GDQP3]_ NH0003	7	5	12g45 - 17g05	N2-508	09/08/25 - 30/08/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N2-510	21/08/25 - 28/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000449	55	[GDQP3]_ NH0003	3	5	12g45 - 17g05	N2-508	05/08/25 - 26/08/25	
						5	5	07g45 - 12g05	N2-510	07/08/25 - 14/08/25	
Ngân hàng thương mại	EN	3	25C1BAN50611601	45	[GDQP3]_ NHP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-204	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021131	45	[GDQP3]_ NHP001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508438	45	[GDQP3]_ NHP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-401	06/10/25 - 01/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính	EN	3	25C1BAN50611701	45	[GDQP3]_ NHP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-205	08/10/25 - 03/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319823	45	[GDQP3]_ NHP001	2	5	12g45 - 17g05	N2-311	06/10/25 - 01/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005940	45	[GDQP3]_ NHP001	2	5	07g10 - 11g30	N2-510	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-508	22/08/25 - 29/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000450	45	[GDQP3]_ NHP001	4	5	07g45 - 12g05	N2-510	06/08/25 - 27/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-508	08/08/25 - 15/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng thương mại	EN	3	25C1BAN50611602	45	[GDQP3]_ NHP002	5	5	07g10 - 11g30	B2-206	02/10/25 - 04/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021132	45	[GDQP3]_ NHP002	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508439	45	[GDQP3]_ NHP002	3	5	07g10 - 11g30	N2-409	07/10/25 - 02/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính	EN	3	25C1BAN50611702	45	[GDQP3]_ NHP002	5	5	12g45 - 17g05	B2-205	02/10/25 - 04/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319824	45	[GDQP3]_ NHP002	3	5	12g45 - 17g05	N2-408	07/10/25 - 02/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005941	45	[GDQP3]_ NHP002	3	5	07g10 - 11g30	N2-105	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-406	23/08/25 - 30/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000451	45	[GDQP3]_ NHP002	5	5	07g45 - 12g05	N2-508	07/08/25 - 28/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-406	09/08/25 - 16/08/25	

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngân hàng thương mại	EN	3	25C1BAN50611603	35	[GDQP3]_ NHF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-507	08/10/25 - 03/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021133	45	[GDQP3]_ NHF001	6	4	07g10 - 10g40	ONLINE	28/11/25	
Tài chính doanh nghiệp	EN	3	25C1FIN50504308	35	[GDQP3]_ NHF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-509	06/10/25 - 01/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính	EN	3	25C1BAN50611703	35	[GDQP3]_ NHF001	4	5	07g10 - 11g30	B1-706	08/10/25 - 03/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319825	35	[GDQP3]_ NHF001	2	5	07g10 - 11g30	B1-705	06/10/25 - 01/12/25	
Tư duy thiết kế	EN	2	25C1TEC55006215	35	[GDQP3]_ NHF001	2	5	12g45 - 17g05	B1-705	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-211	22/08/25 - 29/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000452	35	[GDQP3]_ NHF001	4	5	12g45 - 17g05	B1-407	06/08/25 - 27/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-211	08/08/25 - 15/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608407	65	[GDQP3]_TT0001	6	5	07g45 - 12g05	N2-106	10/10/25 - 05/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021134	60	[GDQP3]_TT0001	2	4	12g45 - 16g15	ONLINE	24/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508440	65	[GDQP3]_TT0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-207	08/10/25 - 03/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C1BAN50608806	65	[GDQP3]_TT0001	6	5	12g45 - 17g05	N2-107	10/10/25 - 05/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319826	60	[GDQP3]_TT0001	4	5	12g45 - 17g05	N2-106	08/10/25 - 03/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005942	65	[GDQP3]_TT0001	4	5	07g10 - 11g30	N2-207	06/08/25 - 27/08/25	
						2	5	12g45 - 17g05	N2-107	18/08/25 - 25/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000453	65	[GDQP3]_TT0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-107	04/08/25 - 11/08/25	
						6	5	07g45 - 12g05	N2-106	08/08/25 - 29/08/25	
Quản trị và chiến lược ngân hàng		3	25C1BAN50608408	40	[GDQP3]_TTP001	7	5	07g10 - 11g30	B2-304	11/10/25 - 06/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021135	40	[GDQP3]_TTP001	3	4	12g45 - 16g15	ONLINE	25/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C1FIN50508441	40	[GDQP3]_TTP001	5	5	07g10 - 11g30	N2-506	02/10/25 - 04/12/25	
Thị trường và các định chế tài chính	EN	3	25C1BAN50611704	40	[GDQP3]_TTP001	7	5	12g45 - 17g05	B2-205	11/10/25 - 06/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C1ENG51319827	40	[GDQP3]_TTP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-511	02/10/25 - 04/12/25	
Tư duy thiết kế		2	25C1TEC55005943	40	[GDQP3]_TTP001	5	5	07g10 - 11g30	N2-506	07/08/25 - 28/08/25	
						3	5	12g45 - 17g05	N2-512	19/08/25 - 26/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C1HCM51000454	45	[GDQP3]_TTP001	3	5	12g45 - 17g05	N2-512	05/08/25 - 12/08/25	
						7	5	07g45 - 12g05	N2-506	09/08/25 - 30/08/25	

[CT TV] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật học so sánh		2	25C1LAW51106403	30	[GDQP3]_ LQ0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-511	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-106	08/08/25 - 15/08/25	
Các học thuyết pháp lý		3	25C1LAW51100401	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	6	5	07g10 - 11g30	N2-107	10/10/25 - 05/12/25	
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100605	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	2	5	07g10 - 11g30	N2-107	06/10/25 - 01/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326430	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	2	5	07g10 - 11g30	N2-107	04/08/25 - 25/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N2-106	22/08/25 - 29/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021144	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	6	4	12g45 - 16g15	ONLINE	28/11/25	
Thương mại quốc tế		3	25C1COM50302208	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	4	5	12g45 - 17g05	N2-107	08/10/25 - 03/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320205	60	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	2	5	12g45 - 17g05	N2-106	06/10/25 - 01/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109705	65	[GDQP3]_ LQ0001,LQ P001	4	5	07g10 - 11g30	N2-106	08/10/25 - 03/12/25	
Luật so sánh	EN	2	25C1LAW51112703	40	[GDQP3]_ LQP001	4	5	07g10 - 11g30	B2-503	06/08/25 - 27/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-212	08/08/25 - 15/08/25	

[CT TV] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103706	50	[GDQP3]_ EL0001	2	5	12g45 - 17g05	N2-410	06/10/25 - 01/12/25	
Luật đất đai		2	25C1LAW51101503	50	[GDQP3]_ EL0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-403	06/08/25 - 27/08/25	
						2	5	07g10 - 11g30	N1-707	18/08/25 - 25/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326426	50	[GDQP3]_ EL0001	2	5	07g10 - 11g30	N1-707	04/08/25 - 11/08/25	
						4	5	12g45 - 17g05	N1-403	06/08/25 - 27/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021140	50	[GDQP3]_ EL0001	2	4	07g10 - 10g40	ONLINE	24/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320201	50	[GDQP3]_ EL0001	4	5	07g10 - 11g30	N1-707	08/10/25 - 03/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109701	50	[GDQP3]_ EL0001	6	5	12g45 - 17g05	N1-707	10/10/25 - 05/12/25	
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100601	50	[GDQP3]_ EL0001,PM LL1.K48	4	5	12g45 - 17g05	N1-701	08/10/25 - 03/12/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111404	50	[GDQP3]_ EL0001,PM LL1.K48	6	5	07g10 - 11g30	N1-707	10/10/25 - 05/12/25	Hủy
Các học thuyết pháp lý		3	25C1LAW51100402	50	[GDQP3]_ EL0001	6	5	07g10 - 11g30	N1-707	10/10/25 - 05/12/25	Bổ sung

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật doanh nghiệp		3	25C1LAW51103707	50	[GDQP3]_ EL0002	3	5	12g45 - 17g05	N1-701	07/10/25 - 02/12/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111405	50	[GDQP3]_ EL0002	7	5	07g10 - 11g30	N1-707	11/10/25 - 06/12/25	Hủy
Các học thuyết pháp lý		3	25C1LAW51100403	50	[GDQP3]_ EL0002	7	5	12g45 - 17g05	N1-707	11/10/25 - 06/12/25	Bổ sung
Luật đất đai		2	25C1LAW51101504	50	[GDQP3]_ EL0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-403	07/08/25 - 28/08/25	
						3	5	07g10 - 11g30	N1-506	19/08/25 - 26/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326427	50	[GDQP3]_ EL0002	3	5	07g10 - 11g30	N1-506	05/08/25 - 12/08/25	
						5	5	12g45 - 17g05	N1-502	07/08/25 - 28/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021141	50	[GDQP3]_ EL0002	3	4	07g10 - 10g40	ONLINE	25/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320202	50	[GDQP3]_ EL0002	5	5	07g10 - 11g30	N1-707	02/10/25 - 04/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109702	50	[GDQP3]_ EL0002	7	5	07g10 - 11g30	N1-707	11/10/25 - 06/12/25	Đổi tg.học
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100602	50	[GDQP3]_ EL0002,CT LL1.K49	5	5	12g45 - 17g05	N1-701	02/10/25 - 04/12/25	
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100603	40	[GDQP3]_ ELP001	6	5	12g45 - 17g05	N1-405	10/10/25 - 05/12/25	
Luật doanh nghiệp	EN	3	25C1LAW51107201	40	[GDQP3]_ ELP001	4	5	12g45 - 17g05	B2-302	08/10/25 - 03/12/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111406	40	[GDQP3]_ ELP001	2	5	07g10 - 11g30	N1-707	06/10/25 - 01/12/25	Hủy
Các học thuyết pháp lý		3	25C1LAW51100404	40	[GDQP3]_ ELP001	2	5	12g45 - 17g05	N1-701	06/10/25 - 01/12/25	Bổ sung
Luật đất đai		2	25C1LAW51101505	40	[GDQP3]_ ELP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-405	08/08/25 - 29/08/25	
						4	5	07g10 - 11g30	N1-402	20/08/25 - 27/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326428	40	[GDQP3]_ ELP001	4	5	07g10 - 11g30	N1-402	06/08/25 - 13/08/25	
						6	5	12g45 - 17g05	N1-405	08/08/25 - 29/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021142	40	[GDQP3]_ ELP001	4	4	07g10 - 10g40	ONLINE	26/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320203	40	[GDQP3]_ ELP001	6	5	07g10 - 11g30	N1-405	10/10/25 - 05/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109703	40	[GDQP3]_ ELP001	2	5	07g10 - 11g30	N1-707	06/10/25 - 01/12/25	Đổi tg.học

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật dân sự 2		3	25C1LAW51100604	40	[GDQP3]_ ELP002	7	5	12g45 - 17g05	N1-504	11/10/25 - 06/12/25	
Luật doanh nghiệp	EN	3	25C1LAW51107202	40	[GDQP3]_ ELP002	5	5	12g45 - 17g05	B2-304	02/10/25 - 04/12/25	
Luật lao động		3	25C1LAW51111407	40	[GDQP3]_ ELP002	3	5	07g10 - 11g30	N1-506	07/10/25 - 02/12/25	Hủy
Các học thuyết pháp lý		3	25C1LAW51100405	40	[GDQP3]_ ELP002	3	5	07g10 - 11g30	N1-506	07/10/25 - 02/12/25	Bổ sung
Luật đất đai		2	25C1LAW51101506	40	[GDQP3]_ ELP002	7	5	07g10 - 11g30	N1-504	09/08/25 - 30/08/25	
						5	5	07g10 - 11g30	N1-504	21/08/25 - 28/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326429	40	[GDQP3]_ ELP002	5	5	07g10 - 11g30	N1-504	07/08/25 - 14/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N1-504	09/08/25 - 30/08/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021143	40	[GDQP3]_ ELP002	5	4	07g10 - 10g40	ONLINE	27/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)		3	25C1ENG51320204	40	[GDQP3]_ ELP002	7	5	07g10 - 11g30	N1-504	11/10/25 - 06/12/25	
Tư duy pháp lý		3	25C1LAW51109704	40	[GDQP3]_ ELP002	3	5	12g45 - 17g05	N1-707	07/10/25 - 02/12/25	

[CT TV] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 50 ĐHCQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319601	33	[GDQP3]_ PM0.PMP. 1	3	5	12g45 - 17g05	N2-506	07/10/25 - 02/12/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)		3	25C1ENG51319602	32	[GDQP3]_ PM0.PMP. 2	3	5	12g45 - 17g05	N2-508	07/10/25 - 02/12/25	
Kinh tế phát triển		3	25C1ECO50100704	55	[GDQP3]_ PM0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-107	02/10/25 - 04/12/25	
Quản trị nhà nước		2	25C1PUM51205201	55	[GDQP3]_ PM0001	5	5	07g10 - 11g30	N2-107	07/08/25 - 28/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	09/08/25 - 16/08/25	
Marketing trong khu vực công		3	25C1PUM51200501	75	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	7	5	07g10 - 11g30	N2-105	11/10/25 - 06/12/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C1PUF50402907	75	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	5	5	12g45 - 17g05	N2-107	02/10/25 - 04/12/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C1BUS50326431	72	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-106	05/08/25 - 26/08/25	
						7	5	12g45 - 17g05	N2-107	23/08/25 - 30/08/25	
Quản trị các tổ chức công		3	25C1PUM51200101	75	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	3	5	07g10 - 11g30	N2-106	07/10/25 - 02/12/25	
Sinh hoạt lớp			25C1ADM535021145	75	[GDQP3]_ PM0001,P MP001	7	4	12g45 - 16g15	ONLINE	29/11/25	
Kinh tế phát triển (EN)	EN	3	25C1ECO50112504	25	[GDQP3]_ PMP001	6	5	07g10 - 11g30	B2-502	10/10/25 - 05/12/25	
Quản trị nhà nước	EN	2	25C1PUM51207101	25	[GDQP3]_ PMP001	2	5	12g45 - 17g05	B2-410	04/08/25 - 11/08/25	
						6	5	07g10 - 11g30	B2-402	08/08/25 - 29/08/25	